



## CẤU TẠO QUẠT LY TÂM

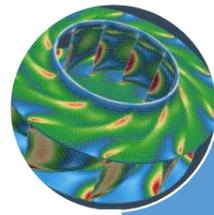
Quạt ly tâm là một thiết bị cơ học được sử dụng để vận chuyển dòng khí, nguyên lý hoạt động dựa trên lực ly tâm, có thể tạo ra dòng khí với áp suất cao, lưu lượng lớn, hoạt động ổn định.

Kể từ khi được phát minh vào đầu thế kỷ 19, quạt ly tâm đã liên tục phát triển, cải tiến để nâng cao hiệu suất, độ bền và mức độ tự động hóa cao. Được ứng dụng nhiều trong dân dụng và công nghiệp như các hệ thống thông gió, hút khói, PCCC, hệ thống xử lý khí thải, luyện kim, khai khoáng, vật liệu xây dựng...

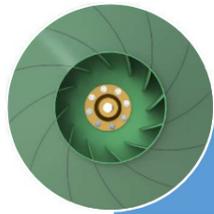
**Navis Group** hội tụ những chuyên gia hàng đầu trong nhiều lĩnh vực sẽ tư vấn các giải pháp tổng thể. Với dây chuyền thiết bị sản xuất chuyên dụng từ các nhà máy trên toàn quốc, chúng tôi mang đến những sản phẩm quạt ly tâm chất lượng cao nhất, phù hợp cho từng mục đích sử dụng, hoạt động bền bỉ và tối ưu chi phí cho khách hàng, đối tác.



*Vì sức khỏe cộng đồng và sự phát triển bền vững!*



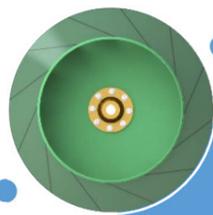
Hiện tại: Ứng dụng AI và mô phỏng CFD để tối ưu hiệu suất, giám sát và điều khiển công suất tự động theo thực tế sản xuất.



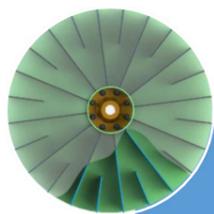
1920-1970: Phát triển thêm nhiều dạng cánh RT, BC, FC, AF để nâng cao hiệu suất và phù hợp cho các lĩnh vực khác nhau.



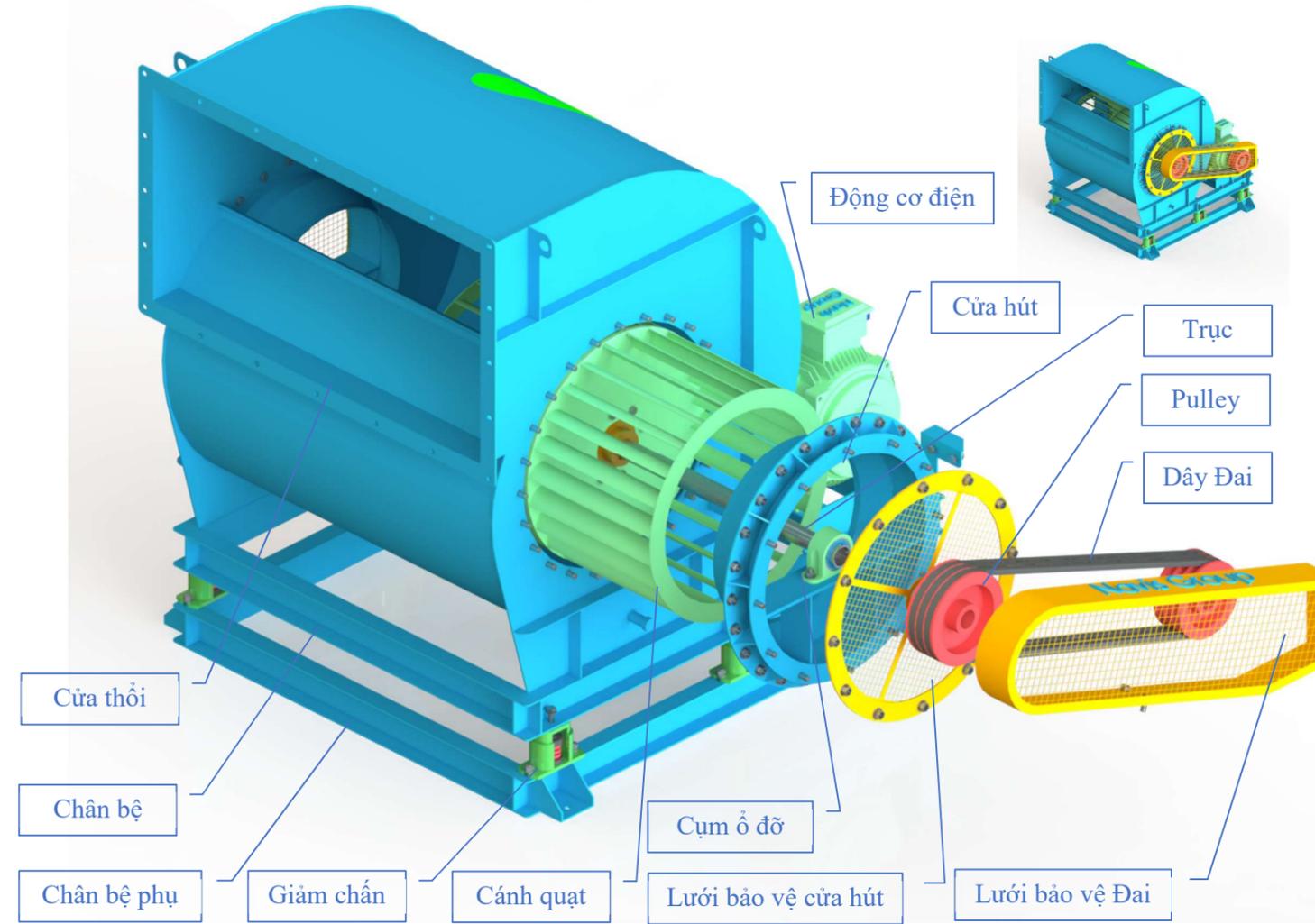
1898: Cánh SC được phát minh ở Ireland, ứng dụng chủ yếu trong lĩnh vực thông gió với ưu điểm luồng gió đều, êm ái.



1851: Cánh BI được cải tiến từ cánh RB để tăng hiệu suất, hoạt động êm ái và cũng là bước ngoặt để phát triển thêm các dạng cánh khác sau này.



Khoảng năm 1830: Xuất hiện ở Mỹ, Châu Âu với dạng cánh RB. Ứng dụng chủ yếu thông gió trong các hầm mỏ.



Direct driver  
Truyền động trực tiếp



Belt driver  
Truyền động Đai



Coupling driver  
Truyền động khớp nối



## DANH MỤC QUẠT LY TÂM

MODEL	MÔ TẢ	HÌNH ẢNH	TRANG
<b>QUẠT LY TÂM THẤP ÁP – QUẠT THÔNG GIÓ, TĂNG ÁP, HÚT KHÓI, PCCC</b>			
<b>NCF-BI-D</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Truyền động trực tiếp, cánh bán thẳng nghiêng phía sau. Hiệu suất cao hơn RT, RB</li> <li>- Lưu lượng: 4200 – 72000 m<sup>3</sup>/h</li> <li>- Áp suất: 300 – 2200 Pa</li> <li>Ứng dụng: Tăng áp buồng thang, hút khói, hút mùi, thông gió, làm mát, PCCC...</li> </ul>		9
<b>NCF-BI-B</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Truyền động Đai, cánh bán thẳng nghiêng phía sau. Hiệu suất cao hơn RT, RB, SC</li> <li>- Lưu lượng: 9000 – 192000 m<sup>3</sup>/h</li> <li>- Áp suất: 800 – 1800 Pa</li> <li>Ứng dụng: Hút khói nhà xưởng, khói hàn, lò gạch Tuynel, mùi sơn, tăng áp...</li> </ul>		11
<b>NCF-SC-D</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Truyền động trực tiếp, nhiều nan cánh nhỏ dạng lồng sóc, cong phía trước.</li> <li>- Lưu lượng: 1800 – 32000 m<sup>3</sup>/h</li> <li>- Áp suất: 300 – 2000 Pa</li> <li>Ứng dụng: Hệ thống sưởi, điều hòa không khí, thông gió, làm mát, hút khói có ít bụi...</li> </ul>		13
<b>NCF-SCD-B</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Truyền động Đai, cánh kép, nhiều nan cánh nhỏ lồng sóc, cong phía trước, 2 cửa hút.</li> <li>- Lưu lượng: 9000 – 80000 m<sup>3</sup>/h</li> <li>- Áp suất: 450 – 1400 Pa</li> <li>Ứng dụng: Hệ thống điều hòa không khí, phòng sạch, các hệ thống HVAC...</li> </ul>		15
<b>QUẠT LY TÂM TRUNG ÁP – QUẠT XỬ LÝ KHÍ THẢI, HÓA CHẤT</b>			
<b>NCF-BC-D</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Truyền động trực tiếp, cánh cong phía sau.</li> <li>- Lưu lượng: 4600 – 39000 m<sup>3</sup>/h</li> <li>- Áp suất: 700 – 3800 Pa</li> <li>Ứng dụng: Hệ thống hút bụi, hút mùi, lò hơi, lò đốt, lò khí hóa, các hệ thống yêu cầu áp suất trung bình, lưu lượng lớn...</li> </ul>		17

<b>NCF-BC-B</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Truyền động Đai, cánh cong phía sau, hiệu suất khí động cao hơn cánh BI, RT, RB, SC.</li> <li>- Lưu lượng: 5600 – 100000 m<sup>3</sup>/h</li> <li>- Áp suất: 2000 – 4800 Pa</li> <li>Ứng dụng: Trong hệ thống xử lý khí thải của các nhà máy điện tử, hóa chất, bao bì...</li> </ul>		19
<b>NCF-BC-C</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Truyền động khớp nối, cánh cong phía sau, công suất lớn, hoạt động bền bỉ.</li> <li>- Lưu lượng: 6400 – 80000 m<sup>3</sup>/h</li> <li>- Áp suất: 2200 – 6000 Pa</li> <li>Ứng dụng: Nhà máy luyện kim, xi măng, khai khoáng, thông gió hầm lò...</li> </ul>		21
<b>NCF-RT-D</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Truyền động trực tiếp, cánh cong phía trước, tiếp tuyến đầu cánh xuyên tâm.</li> <li>- Lưu lượng: 2400 – 37000 m<sup>3</sup>/h</li> <li>- Áp suất: 1500 – 4200 Pa</li> <li>Ứng dụng: Tăng áp buồng thang, hút khói, hút bụi, các loại khí có lẫn bụi nhỏ...</li> </ul>		23
<b>NCF-RT-B</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Truyền động Đai, cánh cong phía trước, tiếp tuyến đầu cánh xuyên tâm.</li> <li>- Lưu lượng: 5200 – 82000 m<sup>3</sup>/h</li> <li>- Áp suất: 1100 – 4800 Pa</li> <li>Ứng dụng: Hệ thống xử lý khí thải, lò hơi, lò đốt, nhà máy gỗ, giấy, xi măng...</li> </ul>		25
<b>QUẠT LY TÂM CAO ÁP – QUẠT LÒ HƠI, LÒ ĐỐT, LUYỆN KIM, KHAI KHOÁNG</b>			
<b>NCF-BCH-D</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Truyền động trực tiếp, cánh cong phía sau, chiều rộng cánh hẹp, đường kính lớn.</li> <li>- Lưu lượng: 700 – 66000 m<sup>3</sup>/h</li> <li>- Áp suất: 1800 – 5700 Pa</li> <li>Ứng dụng: Hút khí có nhiệt độ cao, ít bụi, hệ thống yêu cầu quạt có áp suất hút lớn.</li> </ul>		27
<b>NCF-BCH-C</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Truyền động khớp nối, cánh cong phía sau, chiều rộng cánh hẹp, đường kính cánh lớn.</li> <li>- Lưu lượng: 5200 – 76000 m<sup>3</sup>/h</li> <li>- Áp suất: 3000 – 12000 Pa</li> <li>Ứng dụng: Trong các nhà máy luyện kim, khai khoáng, xi măng, hóa chất, điện tử...</li> </ul>		29
<b>NCF-RB-D</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Truyền động trực tiếp, cánh thẳng hướng tâm. Hiệu suất thấp hơn BC, BI, RT, AF</li> <li>- Lưu lượng: 1100 – 27000 m<sup>3</sup>/h</li> <li>- Áp suất: 1800 – 19000 Pa</li> <li>Ứng dụng: Hệ thống vận chuyển bụi, bột, máng khí động, các khí có nhiều bụi...</li> </ul>		31
<b>NCF-RB-C</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Truyền động khớp nối, cánh thẳng hướng tâm. Hiệu suất thấp hơn BC, BI, RT, AF</li> <li>- Lưu lượng: 12000 – 39000 m<sup>3</sup>/h</li> <li>- Áp suất: 3600 – 22000 Pa</li> <li>Ứng dụng: Trong các môi trường khắc nghiệt yêu cầu áp suất cao, hoạt động bền bỉ</li> </ul>		33

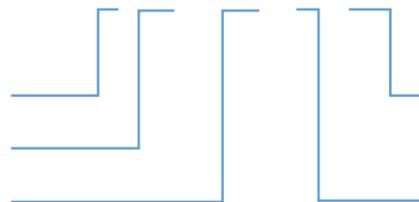
# KÝ HIỆU QUẠT LY TÂM



www.navisgroup.vn  
CHIỀU QUAY

## NCF-BI-D No.

- Navis sản xuất
- Quạt ly tâm (Centrifugal fans)
- Kiểu cánh quạt:



- Số chỉ kích thước đường kính cánh quạt.
- Kiểu truyền động: (D, B, C)
- **D** (Direct): Trực tiếp
- **B** (Belt): Truyền Đai
- **C** (Coupling): Khớp nối

(BI, SC, SCD, BC, RT, BCH, BCL, RB, AF)

- **BI** (Backward Inclined): Cánh thẳng, nghiêng phía sau.

- **SC** (Sirocco): Nhiều nan cánh nhỏ, cong phía trước.

- **SCD** (Sirocco Double inlet): Nhiều nan cánh nhỏ, cong phía trước, guồng cánh kép, 2 cửa hút.

- **BC** (Backward Curved): Cánh cong về phía sau.

- **RT** (Radial Tip): Cánh cong phía trước, đường tiếp tuyến đầu cánh xuyên tâm.

- **BCH** (Backward Curved, High Pressure): Cánh cong về phía sau, áp suất cao.

- **BCL** (Backward Curved, Low Pressure): Cánh cong về phía sau, áp suất thấp.

- **RB** (Radial Blade): Cánh thẳng, hướng tâm.

- **AF** (Airfoil): Cánh khí động học.

- Các dạng các kết hợp khác: BC-FC, BC-RT

### ❖ Phân loại quạt ly tâm

- Theo áp suất làm việc

- Quạt ly tâm thấp áp: Áp suất dưới 1000 Pa

- Quạt ly tâm trung áp: Áp suất từ 1000 đến 3000 Pa

- Quạt ly tâm cao áp: Áp suất trên 3000 Pa

- Quạt ly tâm siêu áp: Áp suất trên 20000 Pa

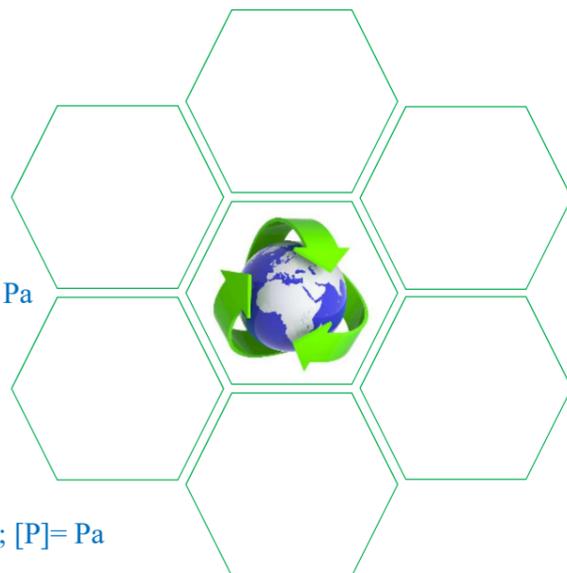
- Phân loại theo hệ số tốc độ:

$$N_s = n \frac{\sqrt{Q}}{P^{3/4}} \text{ trong đó: } [n] = \text{vòng/phút}; [Q] = \text{m}^3/\text{s}; [P] = \text{Pa}$$

Hệ số tốc độ giúp nhận dạng nhanh kiểu thiết kế cánh và lựa chọn dòng quạt phù hợp.

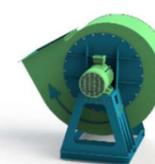
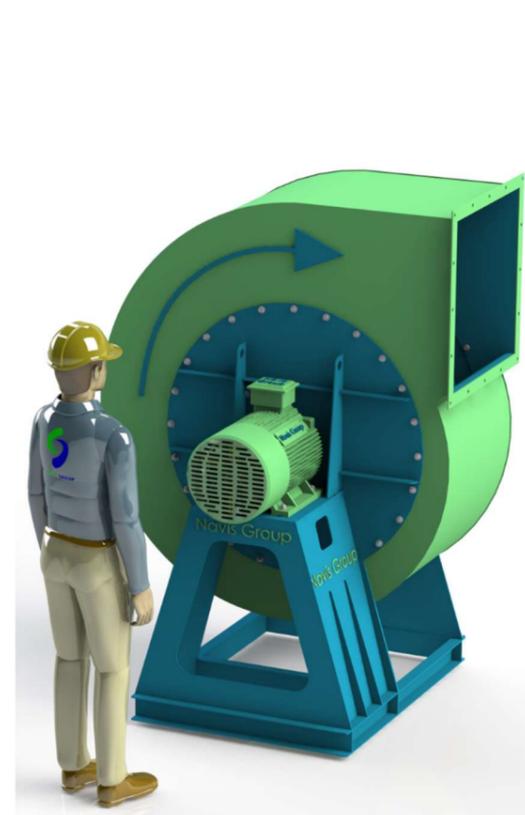
- Theo ứng dụng: Quạt được gọi tên theo ứng dụng của nó như: Hút khói, tăng áp, hút bụi, PCCC..

- ✓ Để thuận tiện, dễ hiểu, dễ lựa chọn và phù hợp thực tế ta thường phân loại quạt ly tâm theo áp suất làm việc và ứng dụng cụ thể.

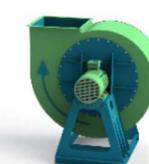


# CHIỀU QUAY QUẠT LY TÂM

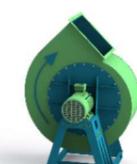
## CW (Clockwise) – Theo chiều kim đồng hồ



CW 315



CW 360



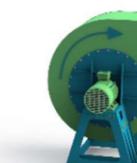
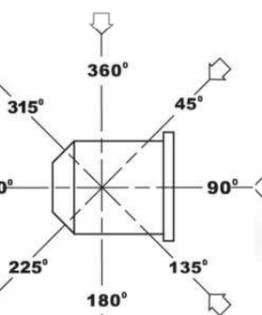
CW 45



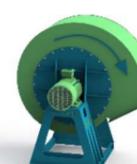
CW 270



CW 225



CW 90

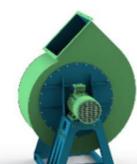
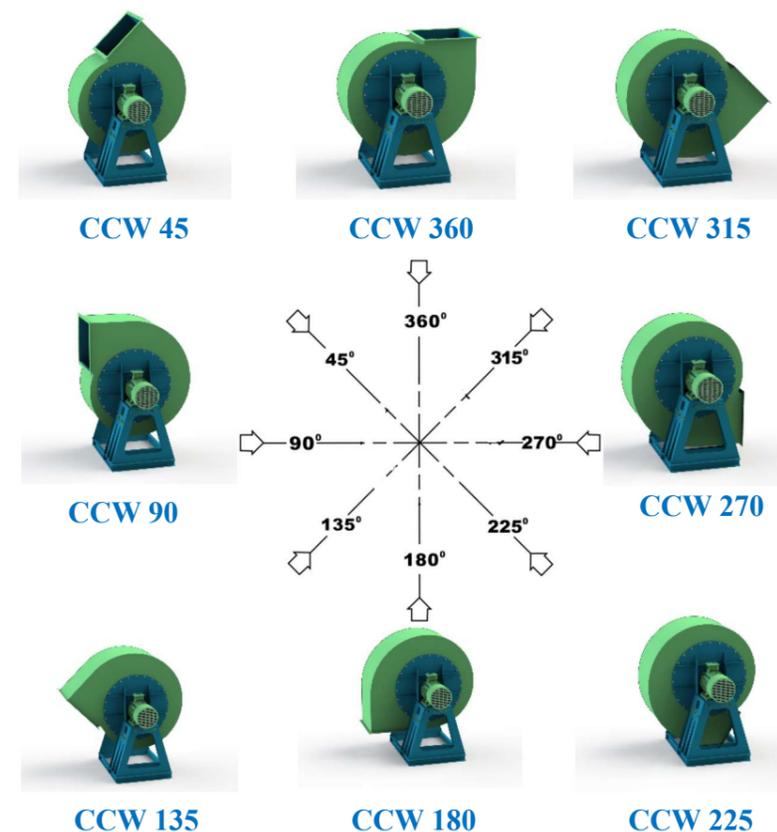


CW 135



CW 180

## CCW (Counterclockwise) – Ngược chiều kim đồng hồ



CCW 45



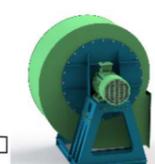
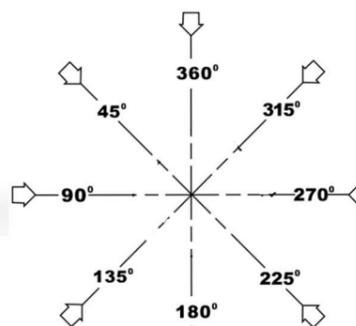
CCW 360



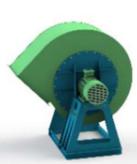
CCW 315



CCW 90



CCW 270



CCW 135



CCW 180



CCW 225

# NCF-BI-D

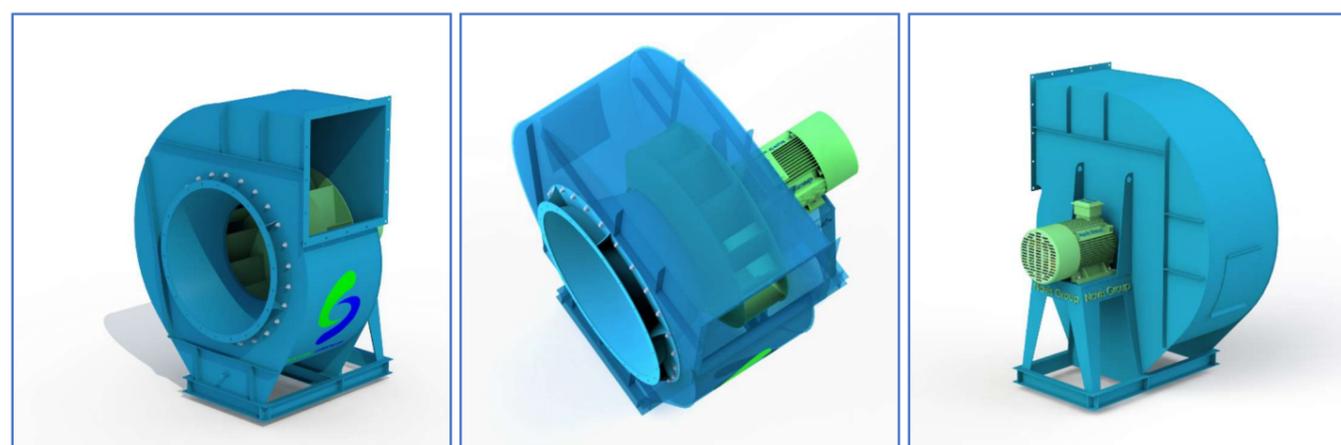
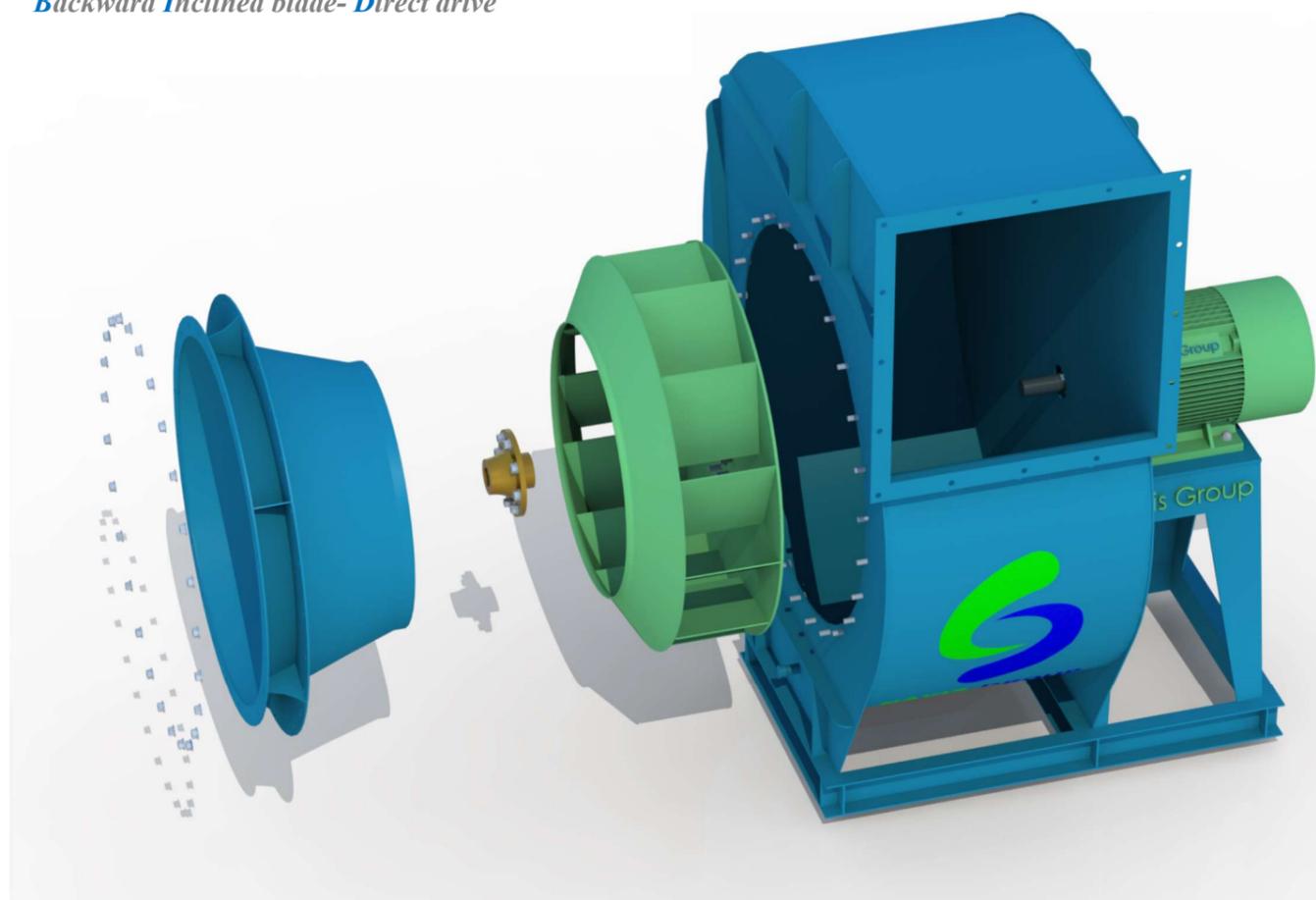
## QUẠT LY TÂM THẤP ÁP- Truyền động trực tiếp

*Backward Inclined blade- Direct drive*



www.navisgroup.vn

NCF-BI-D



### ỨNG DỤNG:

- Dân dụng: Tăng áp buồng thang, hút khói hành lang, tầng hầm, hút mùi, thông gió làm mát, PCCC...
- Công nghiệp: Hút khói nhà xưởng, thông gió làm mát, tạo áp suất âm cho xưởng sử dụng tấm làm mát Cooling Pad, phù hợp hút các loại khí có ít bụi...

**BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT QUẠT LY TÂM NCF-BI-D**

Model	Công suất (kW)	Tốc độ (Pole-rpm)	Điện áp (Volt-Hz-Phase)	Lưu lượng (m3/h)	Áp suất (Pa)	Trọng lượng (kg)
NCF-BI-D400	1.1	4P-1440	380-50-3	4200-5600	500-300	86
NCF-BI-D500	2.2	4P-1440	380-50-3	7200-8800	700-500	107
NCF-BI-D630	5.5	4P-1440	380-50-3	14000-19000	900-600	213
	7.5	4P-1440	380-50-3	17000-22000	1000-700	224
NCF-BI-D710	4	4P-1440	380-50-3	12000-15000	800-600	272
	7.5	4P-1440	380-50-3	16000-21000	1100-800	256
NCF-BI-D800	7.5	6P-980	380-50-3	18000-24000	800-600	426
	11	4P-1460	380-50-3	20000-29000	1300-800	427
	15	4P-1460	380-50-3	24000-32000	1400-1000	433
NCF-BI-D900	18.5	4P-1460	380-50-3	30000-42000	1450-1000	518
	22	4P-1460	380-50-3	35000-44000	1450-1000	556
NCF-BI-D1000	11	6P-980	380-50-3	26000-34000	1000-700	606
	15	6P-970	380-50-3	29000-38000	1200-900	692
	30	4P-1470	380-50-3	48000-70000	1500-1000	762
NCF-BI-D1120	30	6P-980	380-50-3	52000-61000	1400-1200	1332
	37	6P-980	380-50-3	54000-62000	1500-1300	1376
	45	4P-1480	380-50-3	55000-66000	1900-1600	1379
NCF-BI-D1250	37	6P-980	380-50-3	59000-68000	1600-1400	2004
	55	6P-980	380-50-3	52000-72000	2200-1600	2027

\* Vui lòng liên hệ để được tư vấn và cung cấp các bản vẽ kỹ thuật cho từng model.

### ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT:

- Quạt có áp suất thấp, lưu lượng lớn, độ ồn thấp, cấu tạo cánh dạng bán phẳng nghiêng về phía sau (BI). Xuất hiện ở Mỹ/Châu Âu từ khoảng năm 1851-1920, là nền tảng cho phát triển cánh BC, RT, FC, AF sau này, hiệu suất khí động khoảng 78%, hiệu quả cho các loại khí có ít bụi, khí có nhiệt độ cao, độ ẩm cao. Truyền động trực tiếp giúp tăng hiệu suất.
- Sử dụng động cơ thường, động cơ phòng nổ hoặc động cơ chịu nhiệt đến 300°C trong 2 giờ.
- Lớp phủ: Sơn tĩnh điện, sơn Epoxy, sơn chịu ăn mòn, mạ kẽm hoặc bọc Composite.
- Phụ kiện: Giảm chấn lò xo, giảm chấn cao su, chân bộ phụ, bích phụ.
- Vật liệu: Thép SS400, Inox 201-304-316-316L, thép chịu mài mòn, nhựa hoặc Composite.

# NCF-BI-B

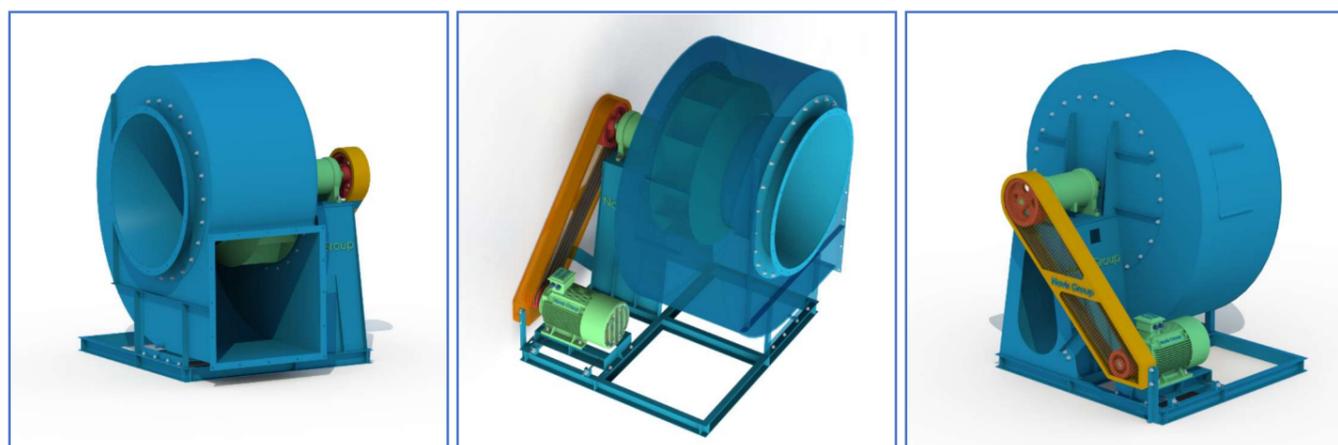
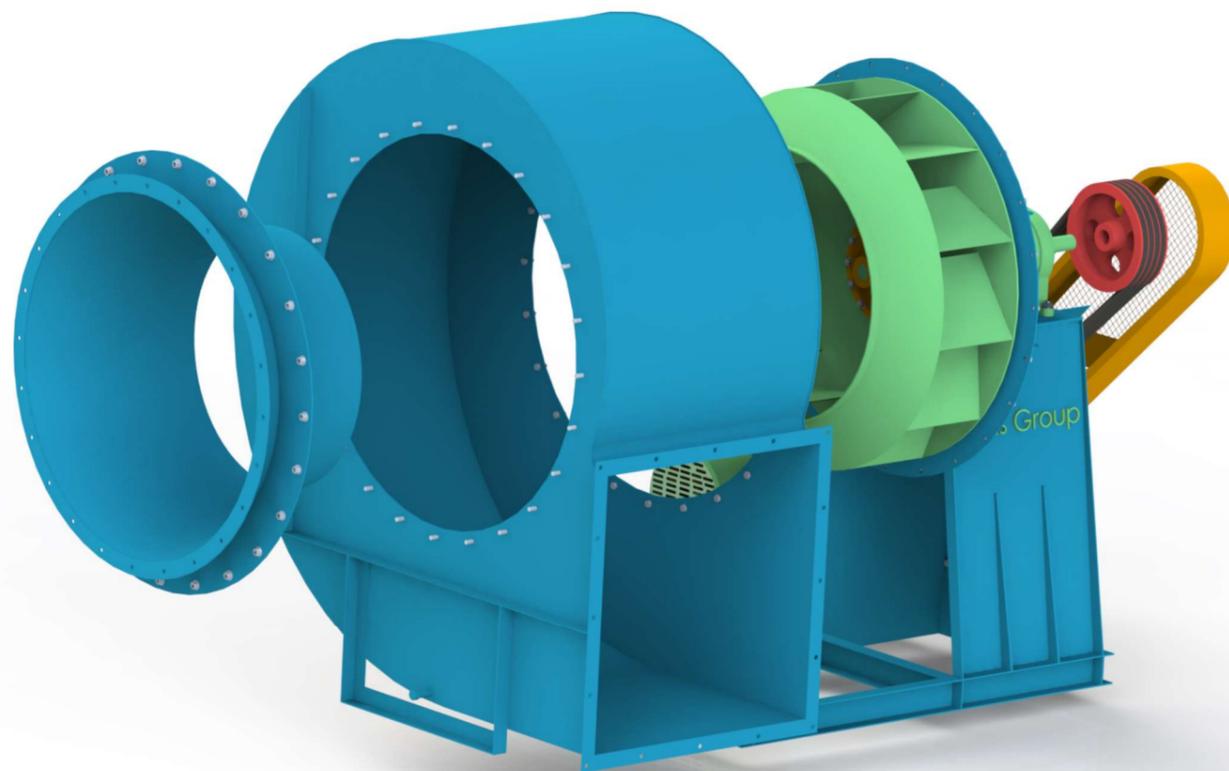
## QUẠT LY TÂM THẤP ÁP- Truyền động Đai

Backward Inclined blade- Belt drive



www.navisgroup.vn

NCF-BI-B



### ỨNG DỤNG:

- Dân dụng: Tăng áp buồng thang, hút khói hành lang, tầng hầm, thông gió làm mát, PCCC...
- Công nghiệp: Hút khói nhà xưởng, hút khói lò gạch Tuynel, khói hàn, mùi sơn, các nhà máy yêu cầu quạt có lưu lượng lớn, làm việc được ở nhiệt độ cao...

### BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT QUẠT LY TÂM NCF-BI-B

Model	Công suất (kW)	Tốc độ (Pole-rpm)	Điện áp (Volt-Hz-Phase)	Lưu lượng (m3/h)	Áp suất (Pa)	Trọng lượng (kg)
NCF-BI-B500	4	4P-1440	380-50-3	9000-11000	900-800	172
NCF-BI-B630	5.5	4P-1440	380-50-3	11000-14000	1100-900	266
NCF-BI-B710	7.5	4P-1440	380-50-3	12000-16000	1100-900	252
NCF-BI-B800	7.5	4P-1440	380-50-3	17000-20000	1000-800	607
	15	4P-1460	380-50-3	29000-34000	1200-1000	660
NCF-BI-B1000	11	4P-1460	380-50-3	26000-29000	1000-800	732
	15	4P-1460	380-50-3	29000-35000	1200-1000	766
NCF-BI-B1250	22	4P-1470	380-50-3	50000-55000	1000-900	1198
	30	4P-1470	380-50-3	58000-68000	1200-1000	1272
NCF-BI-B1400	30	4P-1470	380-50-3	65000-70000	1100-1000	1592
	37	4P-1480	380-50-3	72000-84000	1200-1000	1672
NCF-BI-B1600	45	4P-1480	380-50-3	86000-100000	1200-1100	2266
	55	4P-1480	380-50-3	100000-120000	1250-1100	2342
NCF-BI-B1800	55	4P-1480	380-50-3	92000-100000	1400-1200	3296
	75	4P-1480	380-50-3	120000-140000	1450-1200	3372
NCF-BI-B2000	90	4P-1480	380-50-3	132000-150000	1600-1400	3308
	110	4P-1480	380-50-3	156000-180000	1650-1400	3406
NCF-BI-B2200	132	4P-1480	380-50-3	172000-192000	1800-1600	8266

\* Vui lòng liên hệ để được tư vấn và cung cấp các bản vẽ kỹ thuật cho từng model.

### ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT:

- Quạt có áp suất thấp, lưu lượng lớn, độ ồn thấp, cấu tạo cánh dạng bán phẳng nghiêng về phía sau (BI), hiệu quả cho các loại khí có ít bụi, khí có nhiệt độ cao, độ ẩm cao.
- Truyền động Đai giúp quạt có thể điều chỉnh được tốc độ quay, bảo vệ quá tải, dễ dàng kiểm tra bảo dưỡng động cơ và có thể thiết kế với công suất lớn. Gối đỡ ngâm dầu làm mát bằng nước giúp quạt hoạt động liên tục ở nhiệt độ cao.
- Sử dụng động cơ thường, động cơ phòng nổ hoặc động cơ chịu nhiệt đến 300°C trong 2 giờ.
- Lớp phủ: Sơn tĩnh điện, sơn Epoxy, sơn chịu ăn mòn, mạ kẽm hoặc bọc Composite.
- Phụ kiện: Giảm chấn lò xo, giảm chấn cao su, chân bộ phụ, bích phụ.
- Vật liệu: Thép SS400, Inox 201-304-316-316L, thép chịu mài mòn, nhựa hoặc Composite.

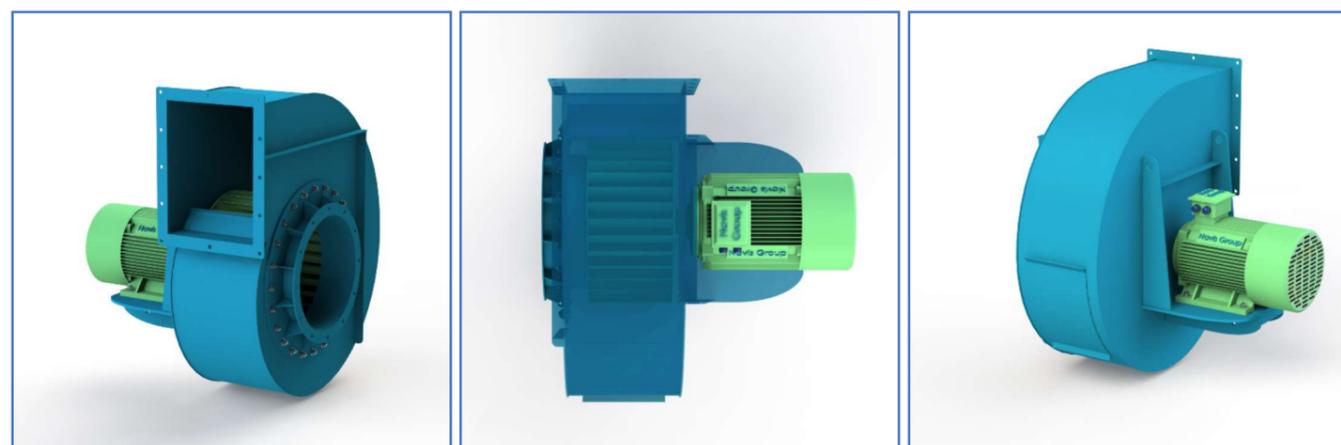
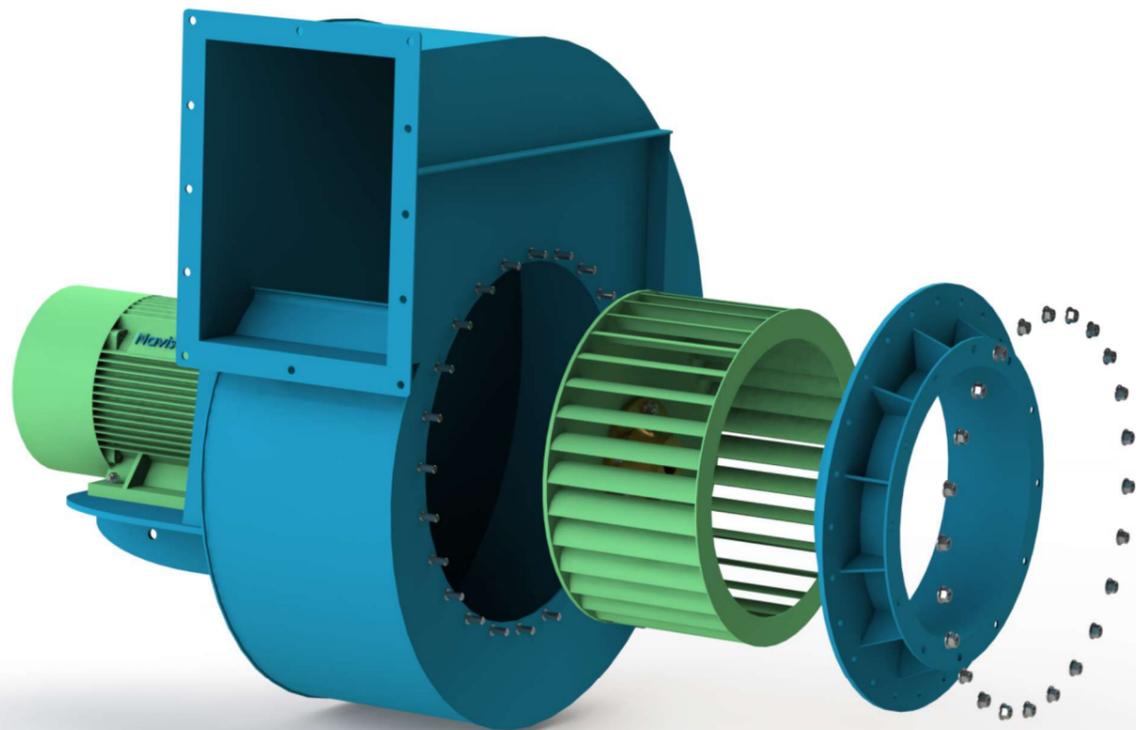
# NCF-SC-D

## QUẠT LY TÂM THẤP ÁP- Truyền động trực tiếp

*Sirocco impeller- Direct drive*



www.navisgroup.vn  
NCF-SC-D



### ỨNG DỤNG:

- Dân dụng: Hệ thống sưởi, điều hòa không khí, cấp khí tươi, hệ thống hút khói, khí thải có bụi nhỏ...
- Công nghiệp: Hệ thống thông gió, hút khói, hệ thống Cooling Pad, phòng sạch..

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT QUẠT LY TÂM NCF-SC-D

Model	Công suất (kW)	Tốc độ (Pole-rpm)	Điện áp (Volt-Hz-Phase)	Lưu lượng (m3/h)	Áp suất (Pa)	Trọng lượng (kg)
NCF-SC-D280	1.1	4P-1440	380-50-3	1800-2700	600-500	44
NCF-SC-D315	0.75	6P-940	380-50-3	2700-3400	400-300	62
	2.2	4P-1440	380-50-3	3200-4200	900-800	63
NCF-SC-D355	1.1	6P-950	380-50-3	3800-5000	450-350	56
	4	4P-1440	380-50-3	3200-5600	1000-900	72
NCF-SC-D400	2.2	6P-965	380-50-3	4800-6800	550-450	86
	5.5	4P-1440	380-50-3	7200-8700	1300-1100	92
NCF-SC-D450	4	6P-970	380-50-3	8000-9600	700-600	114
	11	4P-1460	380-50-3	9200-12800	1700-1600	156
NCF-SC-D500	5.5	6P-980	380-50-3	9900-14000	800-700	166
	15	4P-1460	380-50-3	13000-16000	2000-1800	202
NCF-SC-D560	5.5	8P-730	380-50-3	12000-15000	650-550	213
	11	6P-980	380-50-3	14000-17000	1000-900	296
NCF-SC-D630	7.5	8P-730	380-50-3	15000-19000	800-700	324
	15	6P-970	380-50-3	16000-20000	1300-1100	332
NCF-SC-D710	11	8P-730	380-50-3	18000-22000	900-800	375
	22	6P-970	380-50-3	21000-24000	1800-1600	418
NCF-SC-D800	22	8P-735	380-50-3	27000-32000	1300-1200	466

\* Vui lòng liên hệ để được tư vấn và cung cấp các bản vẽ kỹ thuật cho từng model.

### ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT:

- Quạt có áp suất thấp, lưu lượng lớn, độ ồn thấp, cấu tạo gồm nhiều lá cánh nhỏ dạng lồng sóc, cong về phía trước (FC – Forward Curved) được phát minh khoảng năm 1898 bởi kỹ sư người Ireland, và được đặt tên theo luồng gió nóng Sirocco của Địa Trung Hải. Luồng gió của quạt rất đều, êm ái và liên tục nên phù hợp cho các hệ thống điều hòa không khí, cấp khí tươi, tạo áp phòng sạch, hút khói nóng...
- Sử dụng động cơ thường, động cơ phòng nổ hoặc động cơ chịu nhiệt đến 300°C trong 2 giờ.
- Lớp phủ: Sơn tĩnh điện, sơn Epoxy, sơn chịu ăn mòn, mạ kẽm.
- Phụ kiện: Giảm chấn lò xo, giảm chấn cao su, chân bộ phụ.
- Vật liệu: Thép SS400, Inox 201-304-316-316L.

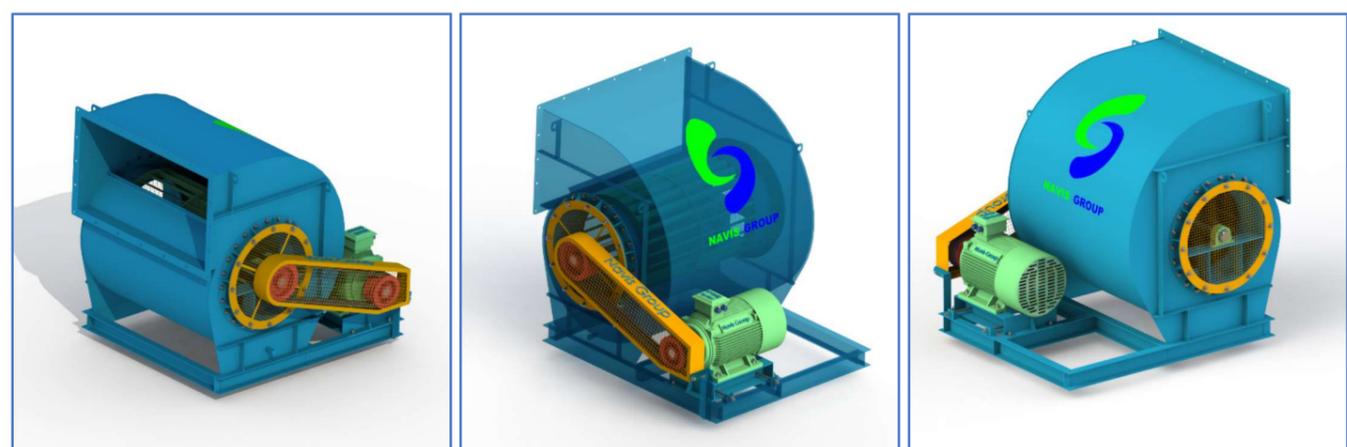
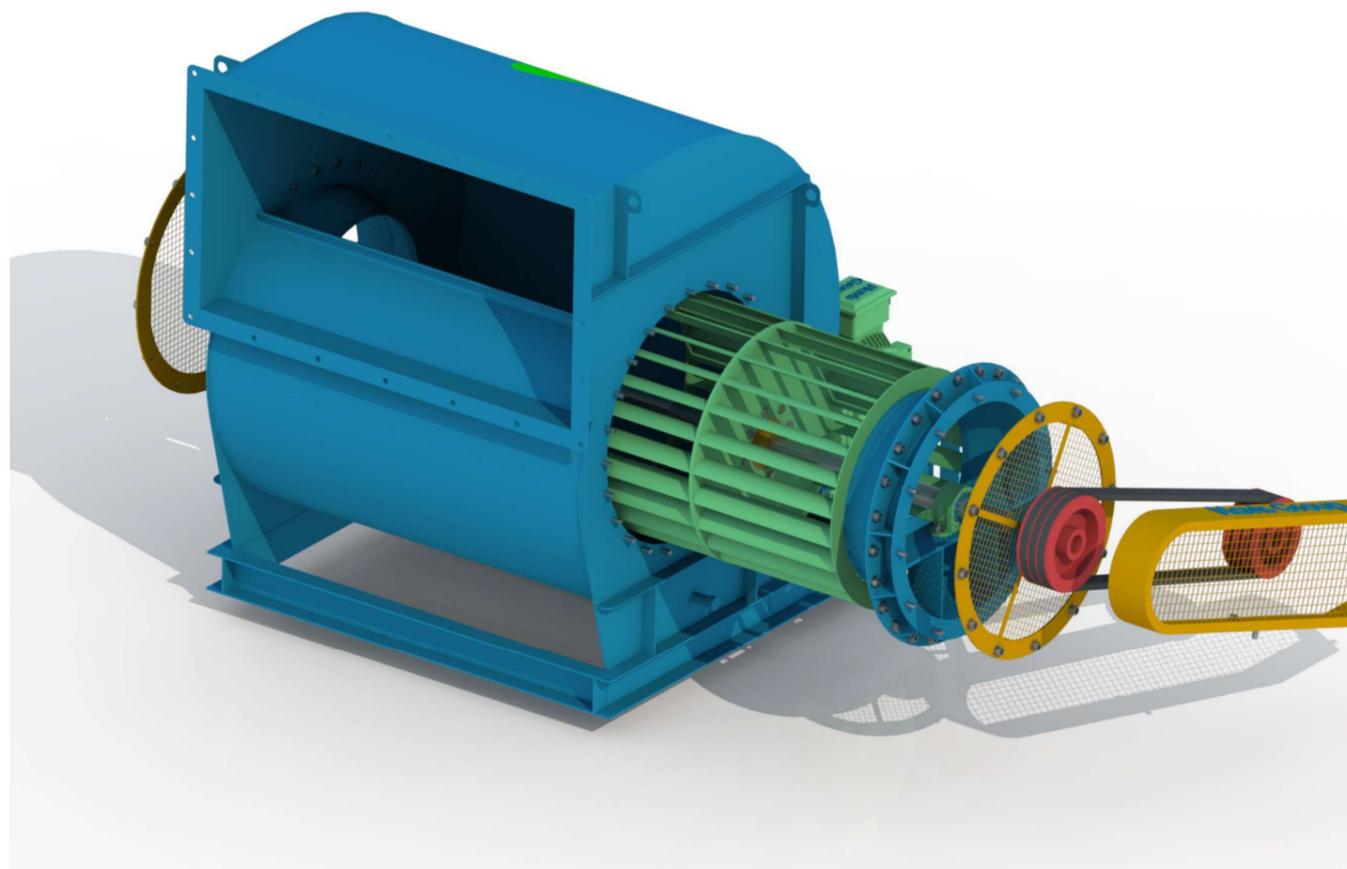
# NCF-SCD-B

## QUẠT LY TÂM THẤP ÁP- Truyền động Đại

*Sirocco impeller, Double inlet- Belt drive*



www.navisgroup.vn  
NCF-SCD-B



### ỨNG DỤNG:

- Dân dụng: Hệ thống sưởi, điều hòa không khí, cấp khí tươi, hệ thống hút khói, khí thải có bụi nhỏ... cần lưu lượng lớn, diện tích thiết bị nhỏ gọn.
- Công nghiệp: Hệ thống thông gió, điều hòa không khí, hút khói, hệ thống Cooling Pad, phòng sạch...

**BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT QUẠT LY TÂM NCF-SCD-B**

Model	Công suất (kW)	Tốc độ (Pole-rpm)	Điện áp (Volt-Hz-Phase)	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /h)	Áp suất (Pa)	Trọng lượng (kg)
NCF-SCD-B400	3	4P-1440	380-50-3	9000-11000	600-500	172
NCF-SCD-B500	4	4P-1440	380-50-3	16000-18000	500-450	266
	5.5	4P-1440	380-50-3	15000-17000	700-600	272
NCF-SCD-B560	7.5	4P-1440	380-50-3	18000-20000	750-650	312
	11	4P-1460	380-50-3	17500-19500	1100-1000	356
NCF-SCD-B630	11	4P-1460	380-50-3	22000-24000	900-800	382
	15	4P-1460	380-50-3	21000-23000	1200-1100	468
NCF-SCD-B710	15	4P-1460	380-50-3	26000-28000	1000-900	523
	18.5	4P-1460	380-50-3	24000-26000	1300-1200	599
NCF-SCD-B800	18.5	4P-1460	380-50-3	28000-30000	1050-950	684
	22	4P-1470	380-50-3	29000-33000	1250-1150	746
NCF-SCD-B900	22	4P-1470	380-50-3	34000-36000	1100-1000	798
	30	4P-1470	380-50-3	39000-44000	1200-1100	892
NCF-SCD-B1000	30	6P-1470	380-50-3	45000-56000	1100-1000	1156
	37	6P-980	380-50-3	55000-66000	1200-1100	1284
NCF-SCD-B1120	37	6P-980	380-50-3	58000-72000	1100-1000	1420
	45	6P-980	380-50-3	62000-72000	1300-1200	1486
NCF-SCD-B1250	55	6P-980	380-50-3	73000-80000	1400-1300	1692

\* Vui lòng liên hệ để được tư vấn và cung cấp các bản vẽ kỹ thuật cho từng model.

### ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT:

- Quạt có áp suất thấp, lưu lượng lớn, độ ồn thấp, cấu tạo hai cửa hút, guồng cánh kép gồm nhiều lá cánh nhỏ dạng lồng sóc, cong về phía trước (FC – Forward Curved) được phát minh năm 1898 bởi kỹ sư người Ireland và đặt tên theo luồng gió nóng Sirocco của Địa Trung Hải. Cánh FC giúp tăng áp suất đẩy, giảm bám bụi, hiệu quả quá cho cả khí nóng có lẫn bụi nhỏ, hiệu suất khí động khoảng 66%.
- Sử dụng động cơ thường, động cơ phòng nổ hoặc động cơ chịu nhiệt đến 300°C trong 2 giờ.
- Lớp phủ: Sơn tĩnh điện, sơn Epoxy, sơn chịu ăn mòn, mạ kẽm.
- Phụ kiện: Giảm chấn lò xo, giảm chấn cao su, chân bộ phụ, bích phụ.
- Vật liệu: Thép SS400, Inox 201-304-316-316L.

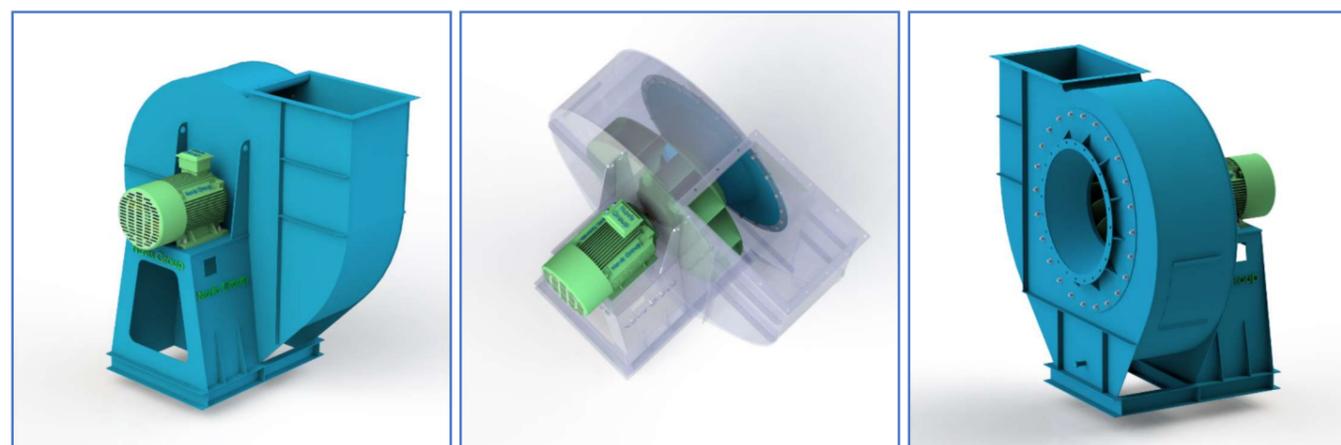
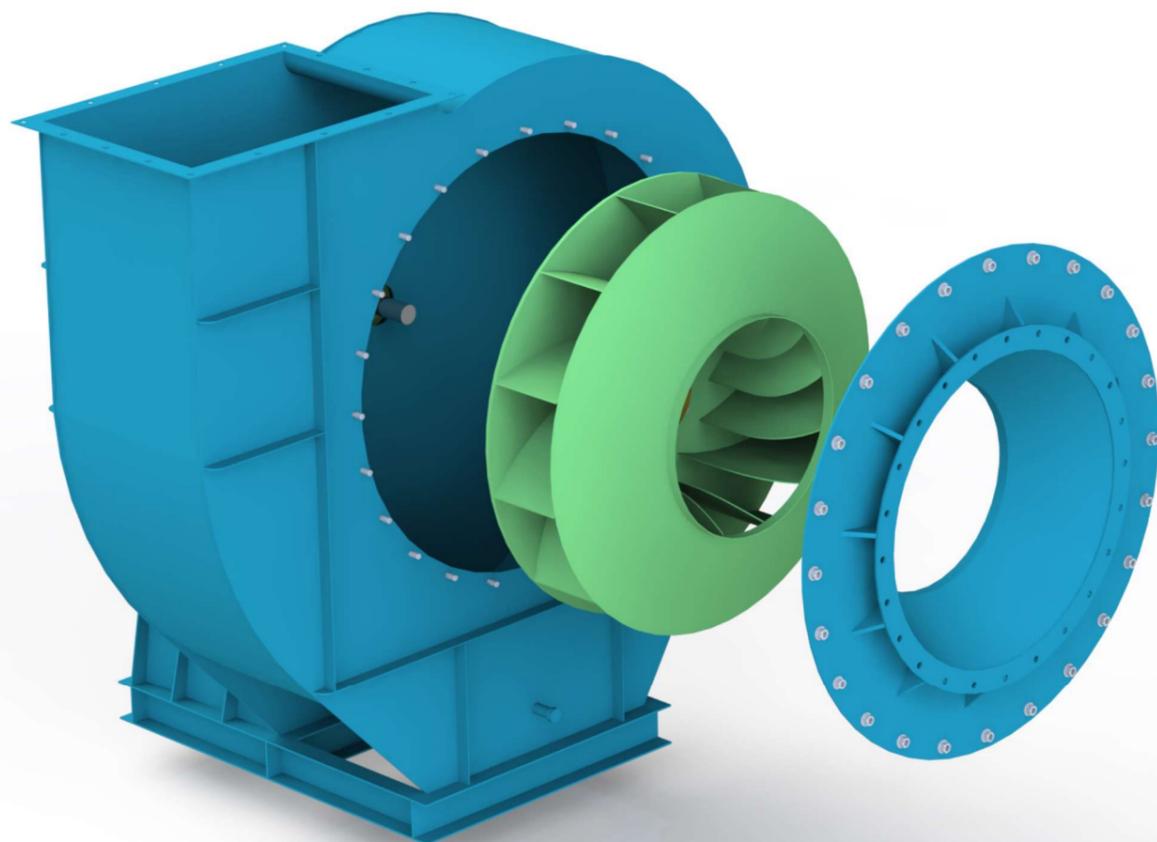
# NCF-BC-D

## QUẠT LY TÂM TRUNG ÁP- Truyền động trực tiếp

Backward Curved blade- Direct drive



www.navisgroup.vn  
NCF-BC-D



### ỨNG DỤNG:

- Dân dụng: Hút khói tầng hầm, hút mùi, các loại khí có lẫn ít bụi...
- Công nghiệp: Các nhà máy hóa chất, điện tử... Các hệ thống xử lý khí thải như: Lọc bụi túi vải, tháp đệm hấp thụ, thiết bị hấp phụ than hoạt tính và các hệ thống yêu cầu áp suất hút cao, lưu lượng lớn...

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT QUẠT LY TÂM NCF-BC-D

Model	Công suất (kW)	Tốc độ (Pole-rpm)	Điện áp (Volt-Hz-Phase)	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /h)	Áp suất (Pa)	Trọng lượng (kg)
NCF-BC-D400	4	2P-2880	380-50-3	4600-5600	2000-1600	66
NCF-BC-D450	7.5	2P-2930	380-50-3	7200-8200	2400-2000	94
NCF-BC-D500	5.5	4P-1440	380-50-3	11000-14000	1100-700	152
	11	2P-2940	380-50-3	9200-10500	2800-2500	192
NCF-BC-D560	7.5	4P-1440	380-50-3	11000-1300	1500-1100	174
	18.5	2P-2940	380-50-3	13000-14500	3200-2700	266
NCF-BC-D630	11	4P-1440	380-50-3	12000-14000	2000-1600	274
	30	2P-2950	380-50-3	19000-21000	3600-3000	382
NCF-BC-D710	15	4P-1460	380-50-3	14000-16000	2500-2200	322
	18.5	4P-1460	380-50-3	17000-19000	2600-2200	387
NCF-BC-D800	18.5	4P-1460	380-50-3	17500-19500	2700-2300	398
	22	4P-1470	380-50-3	19000-22000	2750-2350	407
	30	4P-1470	380-50-3	25000-27000	2900-2600	501
NCF-BC-D900	30	4P-1470	380-50-3	23000-28000	3000-2700	528
	37	4P-1480	380-50-3	27000-32000	3100-2700	544
NCF-BC-D1000	37	4P-1480	380-50-3	28000-32000	3200-2800	602
	45	4P-1480	380-50-3	31000-36000	3300-2800	656
NCF-BC-D1120	55	4P-1480	380-50-3	34000-39000	3800-3200	787

\* Vui lòng liên hệ để được tư vấn và cung cấp các bản vẽ kỹ thuật cho từng model.

### ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT:

- Quạt có áp suất trung bình, lưu lượng lớn, truyền động trực tiếp, cấu tạo cánh cong về phía sau (BC) giúp tăng lực hút và hiệu suất khí động cao hơn so với cánh bản phẳng, đạt khoảng 85%. Hiệu quả cao đối với các loại khí có ít bụi, khí có nhiệt độ cao.
- Sử dụng động cơ thường, động cơ phòng nổ hoặc động cơ chịu nhiệt đến 300°C trong 2 giờ.
- Lớp phủ: Sơn tĩnh điện, sơn Epoxy, sơn chịu ăn mòn, mạ kẽm nhúng nóng.
- Phụ kiện: Giảm chấn lò xo, giảm chấn cao su, chân bệ phụ, bích phụ.
- Vật liệu: Thép SS400, Q345, Inox 201-304-316-316L, thép chịu mài mòn, nhựa hoặc Composite.

# NCF-BC-B

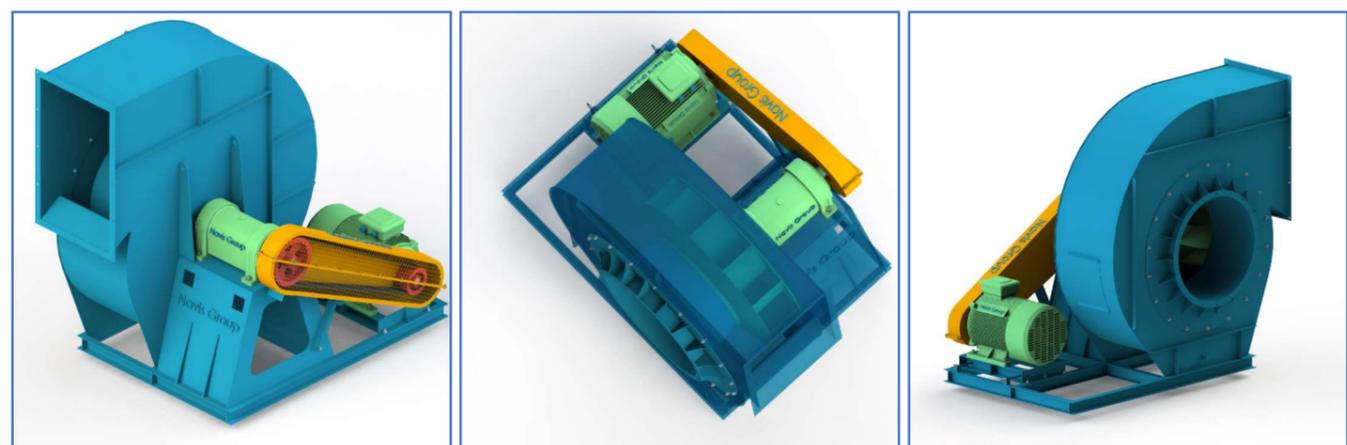
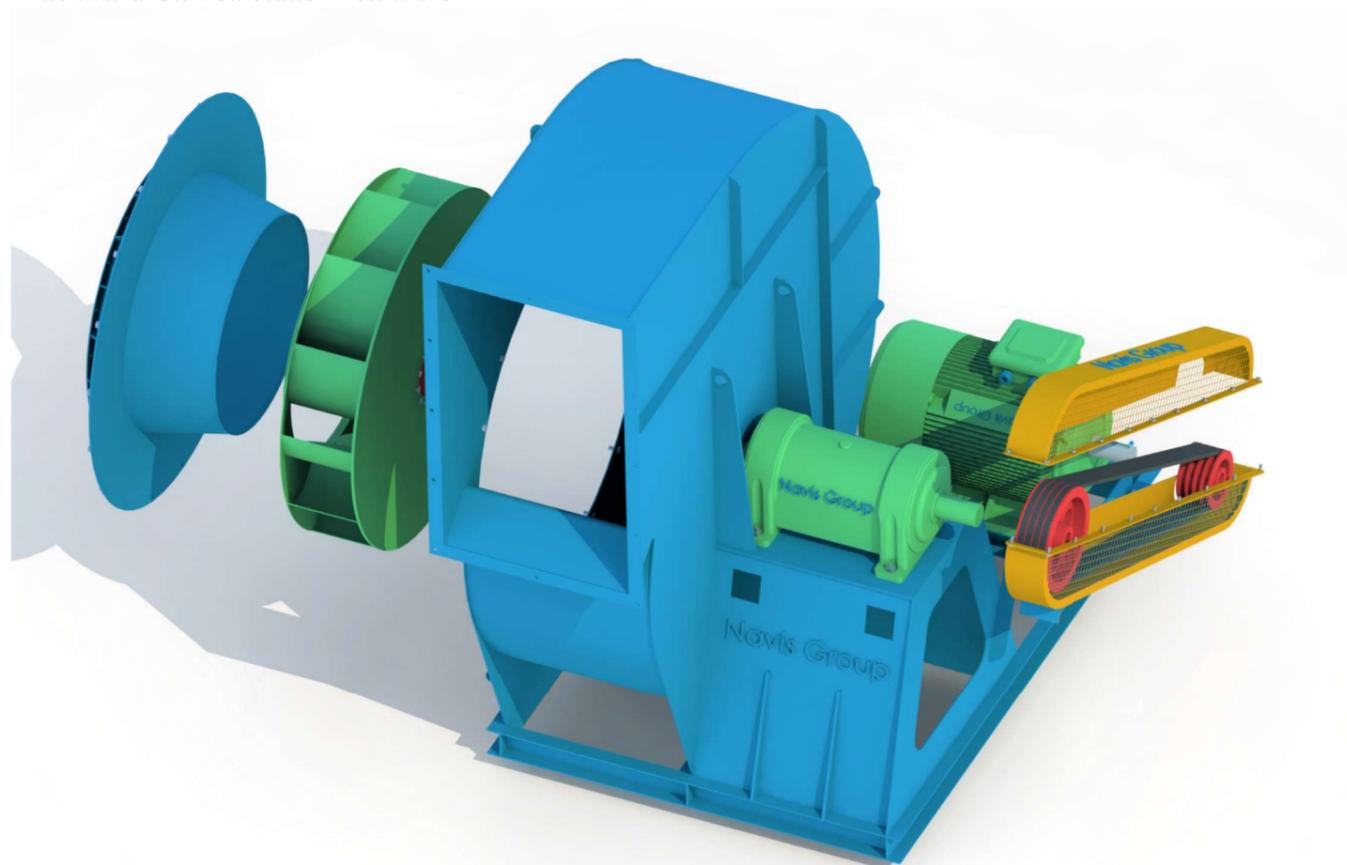
## QUẠT LY TÂM TRUNG ÁP- Truyền động Đai

Backward Curved blade- Belt drive



www.navisgroup.vn

NCF-BC-B



### ỨNG DỤNG:

- Dân dụng: Hút khói, hút mùi, hệ thống thông gió làm mát công suất lớn...
- Công nghiệp: Sau các thiết bị như: Lọc bụi túi vải, tháp đệm hấp thụ, hấp phụ than hoạt tính hoặc hút các loại khí có ít bụi, hệ thống yêu cầu quạt có lực hút mạnh, công suất lớn...

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT QUẠT LY TÂM NCF-BC-B

Model	Công suất (kW)	Tốc độ (Pole-rpm)	Điện áp (Volt-Hz-Phase)	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /h)	Áp suất (Pa)	Trọng lượng (kg)
NCF-BC-B500	5.5	4P-1440	380-50-3	5600-6800	2400-2000	232
NCF-BC-B560	7.5	4P-1440	380-50-3	6600-7800	2800-2400	272
NCF-BC-B630	11	4P-1460	380-50-3	9200-10000	3000-2600	292
	15	4P-1460	380-50-3	11000-13000	3200-2800	366
NCF-BC-B710	15	4P-1460	380-50-3	12000-14000	3000-2600	533
	18.5	4P-1460	380-50-3	14000-16000	3300-2900	599
NCF-BC-B800	22	4P-1470	380-50-3	17000-21000	3200-2600	767
	30	4P-1470	380-50-3	21000-25000	3500-2900	828
NCF-BC-B900	37	4P-1480	380-50-3	27000-32000	3400-2900	992
	45	4P-1480	380-50-3	31000-37000	3600-3000	1022
NCF-BC-B1000	45	4P-1480	380-50-3	32000-38000	3500-2900	1166
	55	4P-1480	380-50-3	38000-46000	3600-3000	1280
NCF-BC-B1120	55	4P-1480	380-50-3	38500-46500	3700-3100	1662
	75	4P-1480	380-50-3	48000-58000	3800-3200	1789
NCF-BC-B1250	75	4P-1480	380-50-3	47000-57000	4000-3300	1992
	90	4P-1480	380-50-3	55000-68000	4100-3300	2168
NCF-BC-B1400	110	4P-1480	380-50-3	66000-80000	4200-3400	3066
NCF-BC-B1600	160	4P-1480	380-50-3	82000-100000	4800-3900	3688

\* Vui lòng liên hệ để được tư vấn và cung cấp các bản vẽ kỹ thuật cho từng model.

### ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT:

- Quạt có áp suất trung bình hoặc cao, lưu lượng lớn, truyền động Đai, cấu tạo cánh cong về phía sau giúp tăng lực hút và hiệu suất khí động đạt khoảng 85%, cao hơn so với cánh bản phẳng (78%). Quạt được phát triển tại Mỹ, Châu Âu từ khoảng năm 1920, sau thời gian ngắn sử dụng cánh BI để khắc phục nhược điểm hiệu suất khí động thấp của cánh Sirocco (66%).
- Quạt có thể được thiết kế với công suất rất lớn, làm việc ở môi trường có nhiệt độ cao. Bộ truyền đai giúp bảo vệ quá tải động cơ, điều chỉnh tốc độ quay linh hoạt.
- Sử dụng động cơ thường, động cơ phòng nổ hoặc động cơ chịu nhiệt đến 300°C trong 2 giờ.
- Lớp phủ: Sơn tĩnh điện, sơn Epoxy, sơn chịu ăn mòn, mạ kẽm.
- Phụ kiện: Giảm chấn lò xo, giảm chấn cao su, chân bộ phụ, bích phụ.
- Vật liệu: Thép SS400, Q345, Inox 201-304-316-316L, thép chịu mài mòn, Composite.

# NCF-BC-C

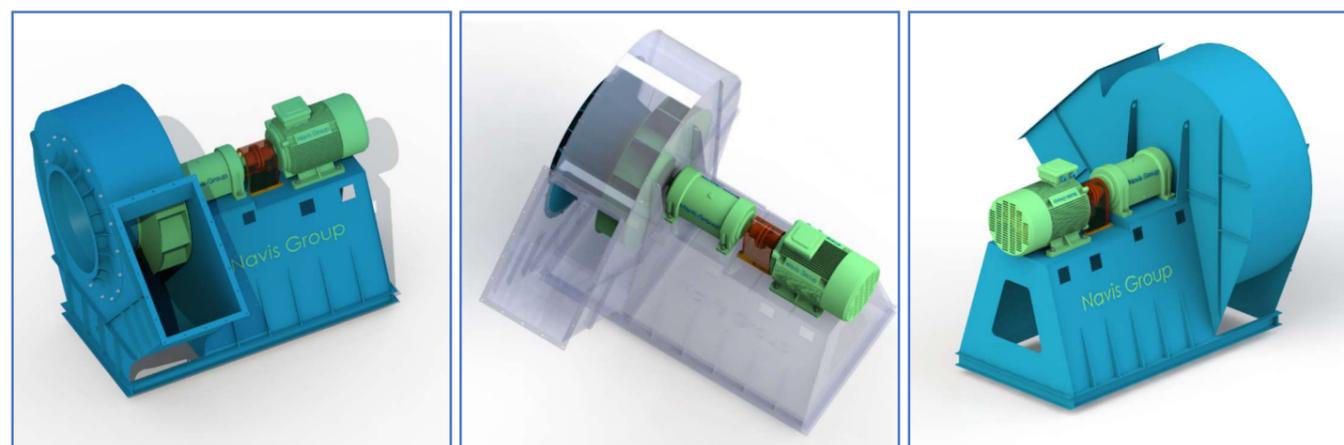
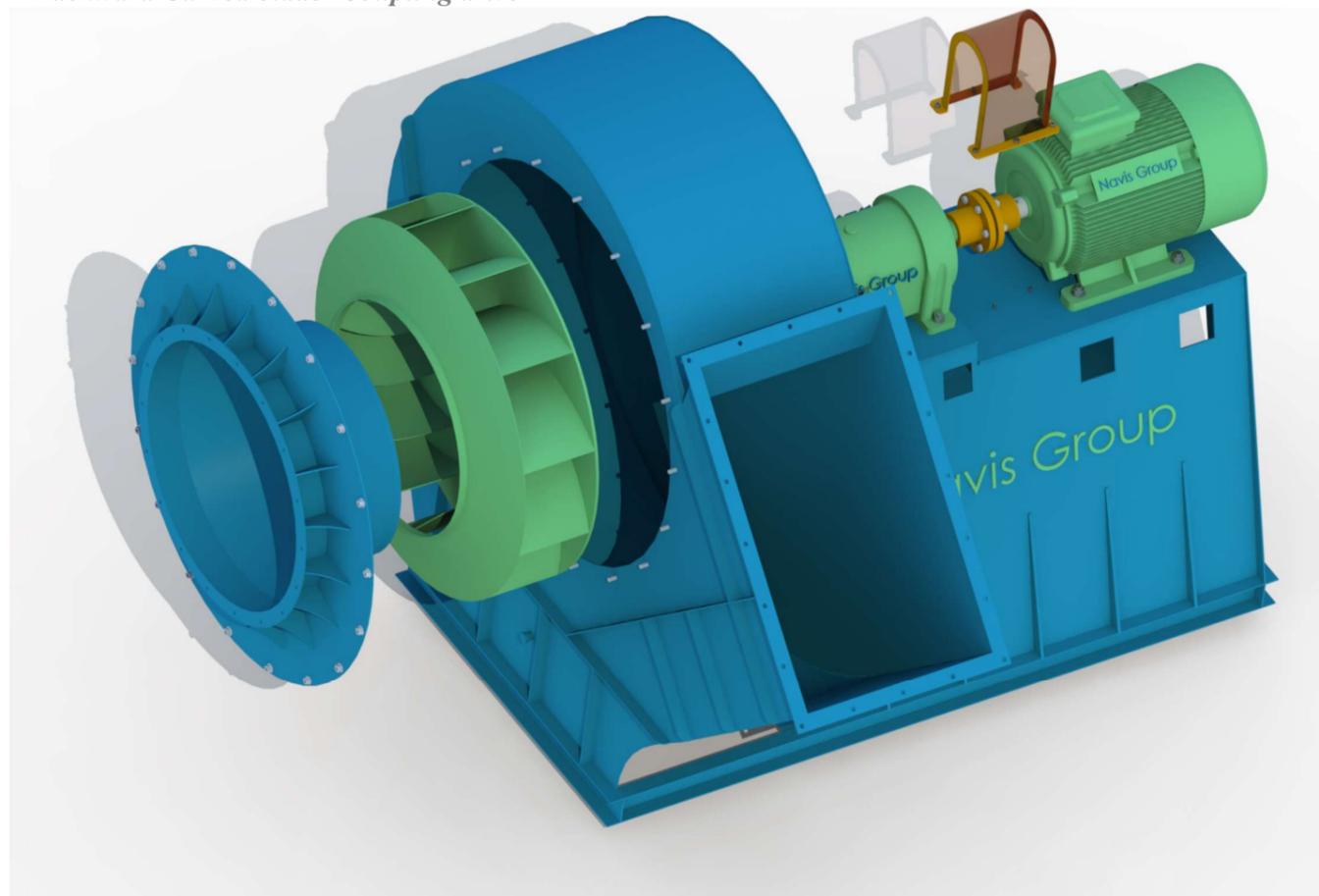
## QUẠT LY TÂM TRUNG ÁP- Truyền động khớp nối

Backward Curved blade- Coupling drive



www.navisgroup.vn

NCF-BC-C



### ỨNG DỤNG:

- Dân dụng: Hút khói, hút mùi, hệ thống thông gió làm mát công suất lớn...
- Công nghiệp: Các nhà máy nhiệt điện, xi măng, khai khoáng, hóa chất, điện tử, dệt may, da giày... yêu cầu quạt hiệu suất cao, áp suất trung bình hoặc cao và lưu lượng lớn. Hiệu quả đối với khí có ít bụi.

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT QUẠT LY TÂM NCF-BC-C

Model	Công suất (kW)	Tốc độ (Pole-rpm)	Điện áp (Volt-Hz-Phase)	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /h)	Áp suất (Pa)	Trọng lượng (kg)
NCF-BC-C500	7.5	2P-2930	380-50-3	6400-8400	2900-2200	266
NCF-BC-C560	15	2P-2940	380-50-3	9400-12000	4000-3000	322
NCF-BC-C630	22	2P-2940	380-50-3	13000-17000	4200-3200	392
NCF-BC-C710	11	4P-1460	380-50-3	11000-14000	2400-1800	599
	37	2P-2950	380-50-3	14000-19000	6000-4500	689
NCF-BC-C800	15	4P-1460	380-50-3	11000-15000	3100-2300	727
	18.5	4P-1460	380-50-3	14000-18000	3200-2400	808
NCF-BC-C900	22	4P-1470	380-50-3	16000-20000	3300-2700	982
	30	4P-1470	380-50-3	21000-25000	3400-2800	1002
NCF-BC-C1000	37	4P-1480	380-50-3	25000-29000	3600-3000	1266
	45	4P-1480	380-50-3	28000-34000	3800-3200	1370
NCF-BC-C1120	30	6P-980	380-50-3	26000-32000	2900-2200	1672
	55	4P-1480	380-50-3	36000-46000	3800-3000	1696
	75	4P-1480	380-50-3	47000-60000	4000-3000	1885
NCF-BC-C1250	45	6P-980	380-50-3	34000-41000	3300-2700	1962
	110	4P-1480	380-50-3	60000-69000	4600-4000	2268
NCF-BC-C1400	90	6P-990	380-50-3	51000-60000	4200-3600	3276
	132	4P-1480	380-50-3	60000-72000	5200-4600	3724
NCF-BC-C1600	160	4P-1480	380-50-3	69000-80000	5600-4800	3968

\* Vui lòng liên hệ để được tư vấn và cung cấp các bản vẽ kỹ thuật cho từng model.

### ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT:

- Quạt có áp suất trung bình hoặc cao, lưu lượng lớn, truyền động khớp nối, cấu tạo cánh cong về phía sau giúp tăng lực hút, giảm ồn hơn khi chạy ở tốc độ cao và đạt hiệu suất cao (85%).
- Quạt có thể được thiết kế với công suất rất lớn, làm việc ở môi trường có nhiệt độ cao, hoạt động bền bỉ, hiệu suất cao hơn và không cần thường xuyên kiểm tra thay thế đai như bộ truyền Đai.
- Sử dụng động cơ thường, động cơ phòng nổ hoặc động cơ chịu nhiệt đến 300 °C trong 2 giờ.
- Lớp phủ: Sơn tĩnh điện, sơn Epoxy, sơn chịu ăn mòn, mạ kẽm nhúng nóng.
- Phụ kiện: Giảm chấn lò xo, giảm chấn cao su, chân bộ phụ.
- Vật liệu: Thép SS400, Q345, Inox 201-304-316-316L, thép chịu mài mòn, thép chịu nhiệt.

# NCF-RT-D

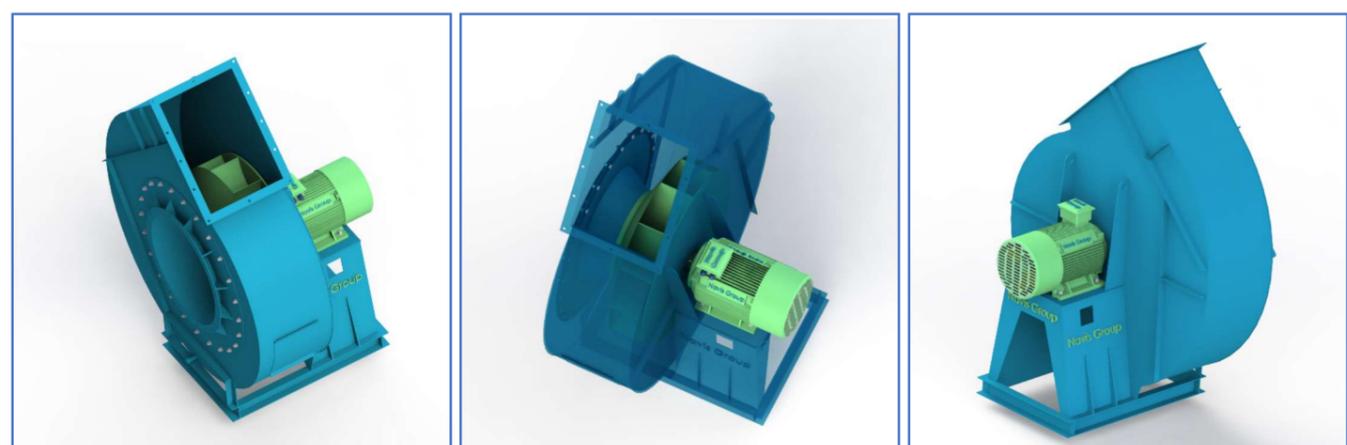
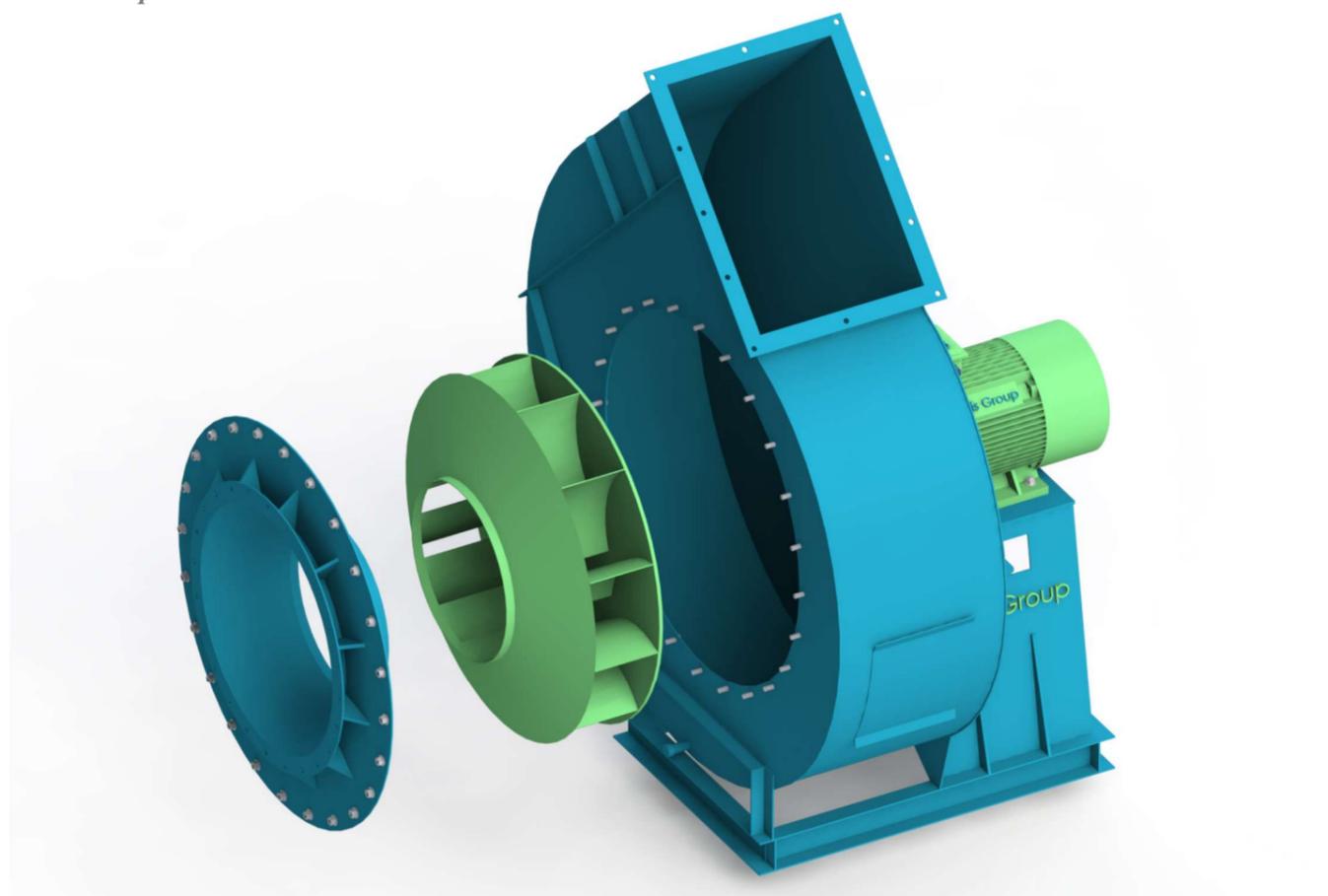
## QUẠT LY TÂM TRUNG ÁP- Truyền động trực tiếp

Radial Tip blade – Direct drive



www.navisgroup.vn

NCF-RT-D



### ỨNG DỤNG:

- Dân dụng: Tăng áp cầu thang bộ, thang máy, tăng áp phòng đệm, hút khói, khí có bụi nhỏ...
- Công nghiệp: Các loại khí có lẫn bụi nhỏ, hơi sương như: Sau Cyclone, tháp đệm hấp thụ, hấp phụ than hoạt tính, hút khói lò hơi, lò đốt rác, lò khí hóa, hệ thống máy sản xuất vật liệu xây dựng...

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT QUẠT LY TÂM NCF-RT-D

Model	Công suất (kW)	Tốc độ (Pole-rpm)	Điện áp (Volt-Hz-Phase)	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /h)	Áp suất (Pa)	Trọng lượng (kg)
NCF-RT-D300	2.2	2P-2860	380-50-3	2400-3200	2000-1500	66
NCF-RT-D400	2.2	4P-1440	380-50-3	4800-6600	1000-600	82
	7.5	2P-2930	380-50-3	6200-7500	2400-2000	92
NCF-RT-D500	5.5	4P-1440	380-50-3	7900-11000	1500-1000	146
	18.5	2P-2940	380-50-3	9200-12000	4000-3000	154
NCF-RT-D560	7.5	4P-1440	380-50-3	8800-12500	1700-1200	166
	22	2P-2940	380-50-3	10000-14000	4200-3200	176
NCF-RT-D630	5.5	6P-980	380-50-3	8000-11000	1400-1000	172
	15	4P-1440	380-50-3	12000-16000	2400-1800	292
NCF-RT-D710	7.5	6P-980	380-50-3	9400-13000	1600-1200	299
	18.5	4P-1440	380-50-3	17000-20000	2200-1800	323
NCF-RT-D800	11	6P-980	380-50-3	13000-19000	1700-1200	417
	30	4P-1470	380-50-3	25000-30000	2400-2000	427
NCF-RT-D900	15	6P-970	380-50-3	17000-25000	1800-1200	605
	37	4P-1480	380-50-3	28000-34000	2600-2200	686
NCF-RT-D1000	22	6P-970	380-50-3	20000-25000	2200-1800	807
	45	4P-1480	380-50-3	28000-36000	3200-2500	833
NCF-RT-D1120	30	6P-980	380-50-3	22000-27000	2700-2200	1156
	55	4P-1480	380-50-3	30000-37000	3600-3000	1202

\* Vui lòng liên hệ để được tư vấn và cung cấp các bản vẽ kỹ thuật cho từng model.

### ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT:

- Quạt có áp suất trung bình, lưu lượng lớn, truyền động trực tiếp, cấu tạo cánh cong về phía trước và đường tiếp tuyến đầu mỗi lá cánh đi xuyên qua tâm của cánh quạt (RT). Với thiết kế này, quạt rất hiệu quả cho các loại khí có lẫn bụi và tạo được áp suất đẩy lớn hơn so với kiểu cánh cong hoặc nghiêng về phía sau. Hiệu suất khí động đạt khoảng 72%.
- Sử dụng động cơ thường, động cơ phòng nổ hoặc động cơ chịu nhiệt đến 300°C trong 2 giờ.
- Lớp phủ: Sơn tĩnh điện, sơn Epoxy, sơn chịu ăn mòn, mạ kẽm.
- Phụ kiện: Giảm chấn lò xo, giảm chấn cao su, chân bộ phụ, bích phụ.
- Vật liệu: Thép SS400, Q345, Inox 201-304-316-316L, thép chịu mài mòn, thép chịu nhiệt.

# NCF-RT-B

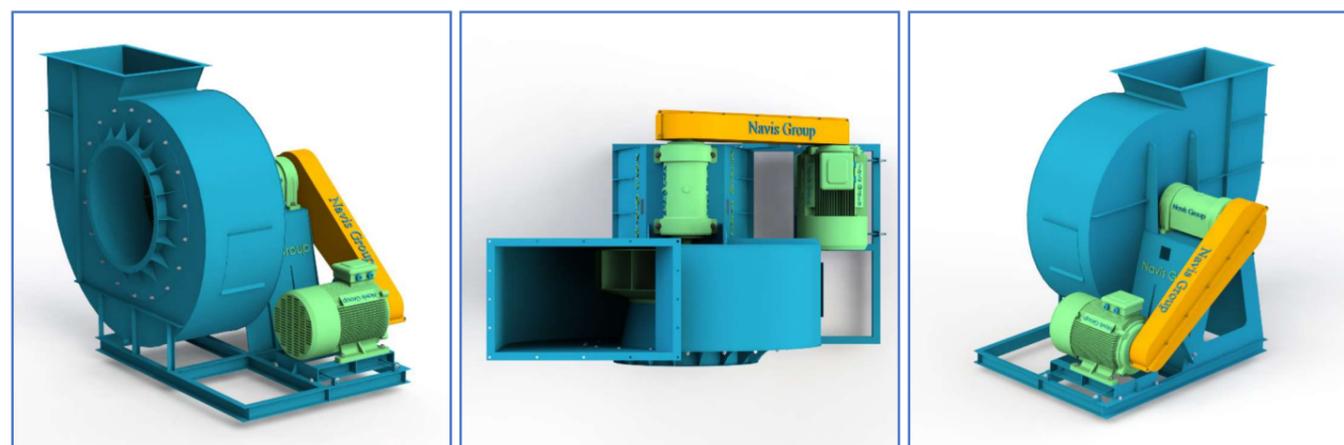
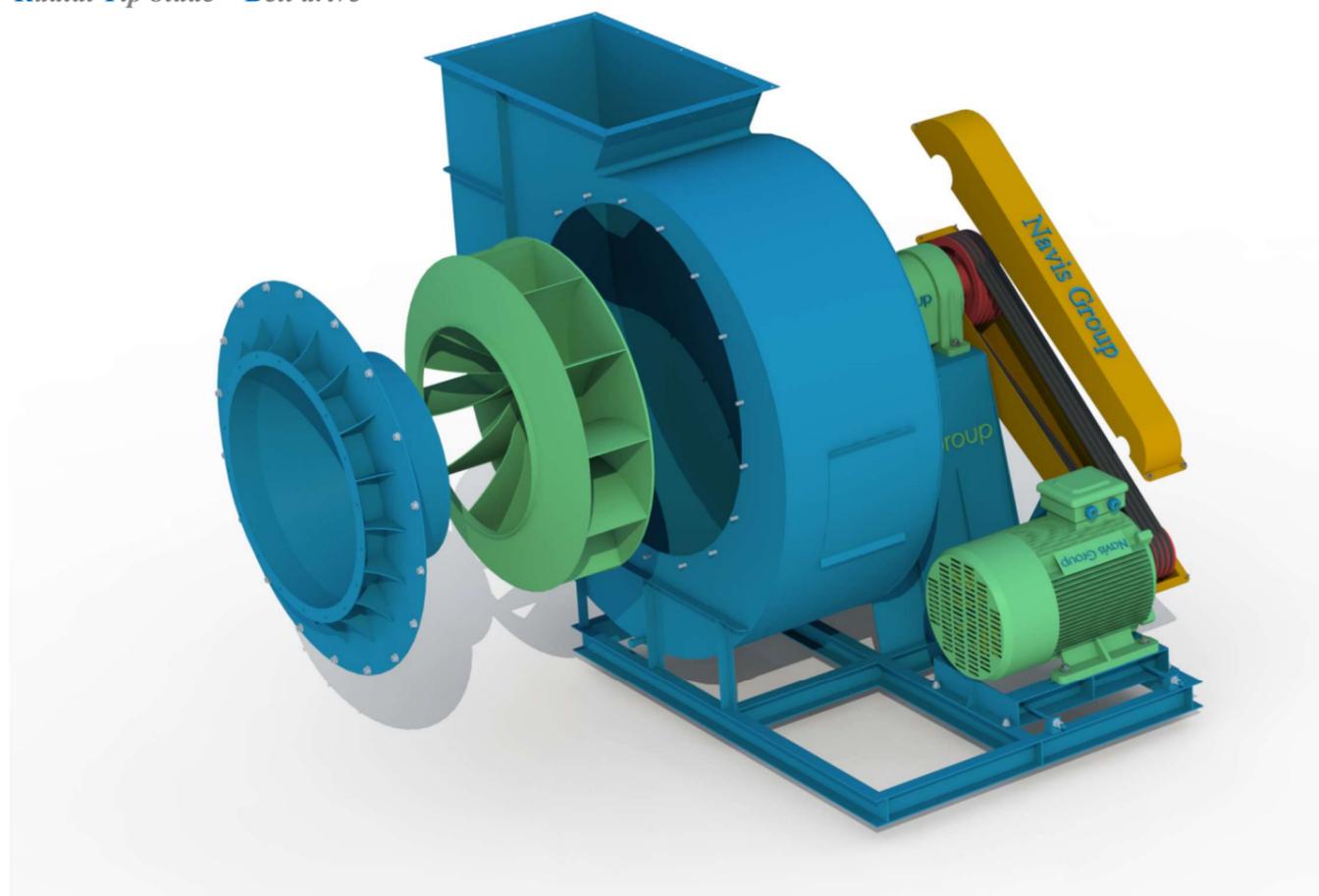
## QUẠT LY TÂM TRUNG ÁP- Truyền động Đai

Radial Tip blade – Belt drive



www.navisgroup.vn

NCF-RT-B



### ỨNG DỤNG:

- Dân dụng: Hút khói, hút mùi, hút bụi, tăng áp cầu thang, phòng đệm, phòng sạch...
- Công nghiệp: Các loại khí có lẫn bụi nhỏ, hơi sương yêu cầu quạt có lực đẩy và lực hút tốt như: Lò hơi, lò đốt rác, các nhà máy sản xuất gỗ, gạch men, giấy, dệt may, hóa chất, vật liệu xây dựng...

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT QUẠT LY TÂM NCF-RT-B

Model	Công suất (kW)	Tốc độ (Pole-rpm)	Điện áp (Volt-Hz-Phase)	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /h)	Áp suất (Pa)	Trọng lượng (kg)
NCF-RT-B500	4	4P-1440	380-50-3	5200-7200	1500-1100	217
NCF-RT-B560	5.5	4P-1440	380-50-3	6900-9200	1600-1200	229
	7.5	4P-1440	380-50-3	9400-12600	1600-1200	242
NCF-RT-B630	11	4P-1460	380-50-3	12000-1700	1800-1300	372
	15	4P-1460	380-50-3	12000-16000	2800-2000	396
NCF-RT-B710	18.5	4P-1460	380-50-3	13000-1600	3200-2600	566
	22	4P-1470	380-50-3	14000-18000	3400-2700	587
NCF-RT-B800	30	4P-1470	380-50-3	18000-22000	3500-2800	792
	37	4P-1480	380-50-3	21000-26000	3600-2900	828
NCF-RT-B900	37	4P-1480	380-50-3	24000-27000	3200-2800	1102
	45	4P-1480	380-50-3	25000-31000	3800-3000	1207
NCF-RT-B1000	45	6P-980	380-50-3	27000-32000	3400-2900	1392
	55	4P-1480	380-50-3	28000-35000	4000-3200	1566
NCF-RT-B1120	55	6P-980	380-50-3	32000-38000	3600-3000	1586
NCF-RT-B1250	75	4P-1480	380-50-3	41000-48000	3800-3200	1826
	90	4P-1480	380-50-3	47000-56000	3900-3300	2004
NCF-RT-B1400	110	4P-1480	380-50-3	54000-66000	4200-3400	3002
	160	4P-1480	380-50-3	69000-82000	4800-4000	3214

\* Vui lòng liên hệ để được tư vấn và cung cấp các bản vẽ kỹ thuật cho từng model.

### ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT:

- Quạt có áp suất trung bình hoặc cao, lưu lượng lớn, truyền động Đai, cấu tạo cánh cong về phía trước và đường tiếp tuyến của mỗi lá cánh đi xuyên qua tâm của cánh quạt (RT). Với thiết kế này, quạt rất hiệu quả cho các loại khí có lẫn bụi, hơi sương, khí có nhiệt độ cao và tạo được áp suất đẩy lớn hơn so với kiểu cánh cong hoặc nghiêng về phía sau. Quạt có độ ồn lớn hơn các loại quạt BC, BI, SC, AF.
- Quạt có thể được thiết kế với công suất rất lớn, làm việc ở môi trường có nhiệt độ cao, độ ẩm cao, nhiều bụi. Bộ truyền đai giúp bảo vệ quá tải động cơ và điều chỉnh tốc độ quay linh hoạt.
- Sử dụng động cơ thường, động cơ phòng nổ hoặc động cơ chịu nhiệt đến 300°C trong 2 giờ.
- Lớp phủ: Sơn tĩnh điện, sơn Epoxy, sơn chịu ăn mòn, mạ kẽm.
- Phụ kiện: Giảm chấn lò xo, giảm chấn cao su, chân bộ phụ, bích phụ.
- Vật liệu: Thép SS400, Q345, Inox 201-304-316-316L, thép chịu mài mòn, thép chịu nhiệt.

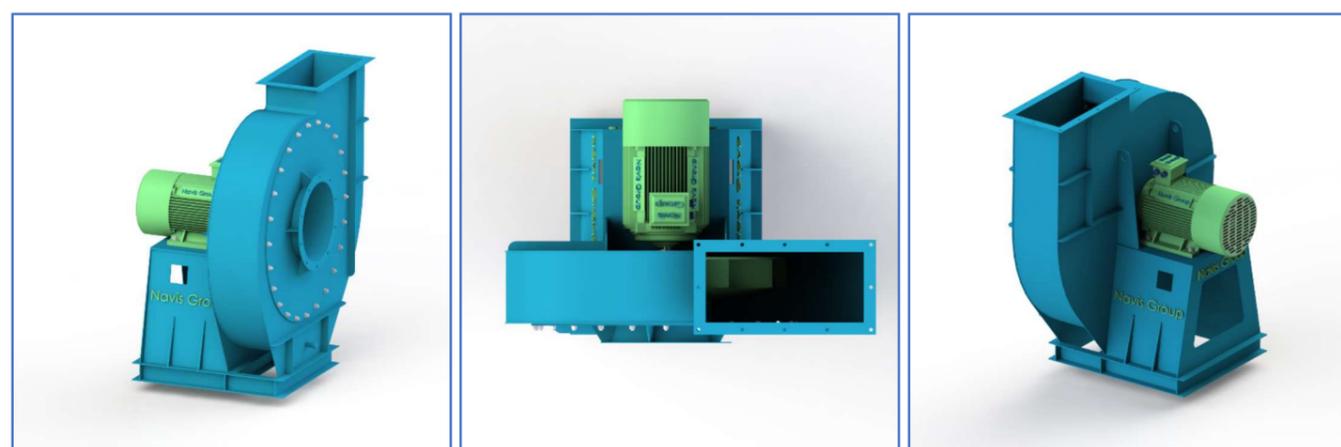
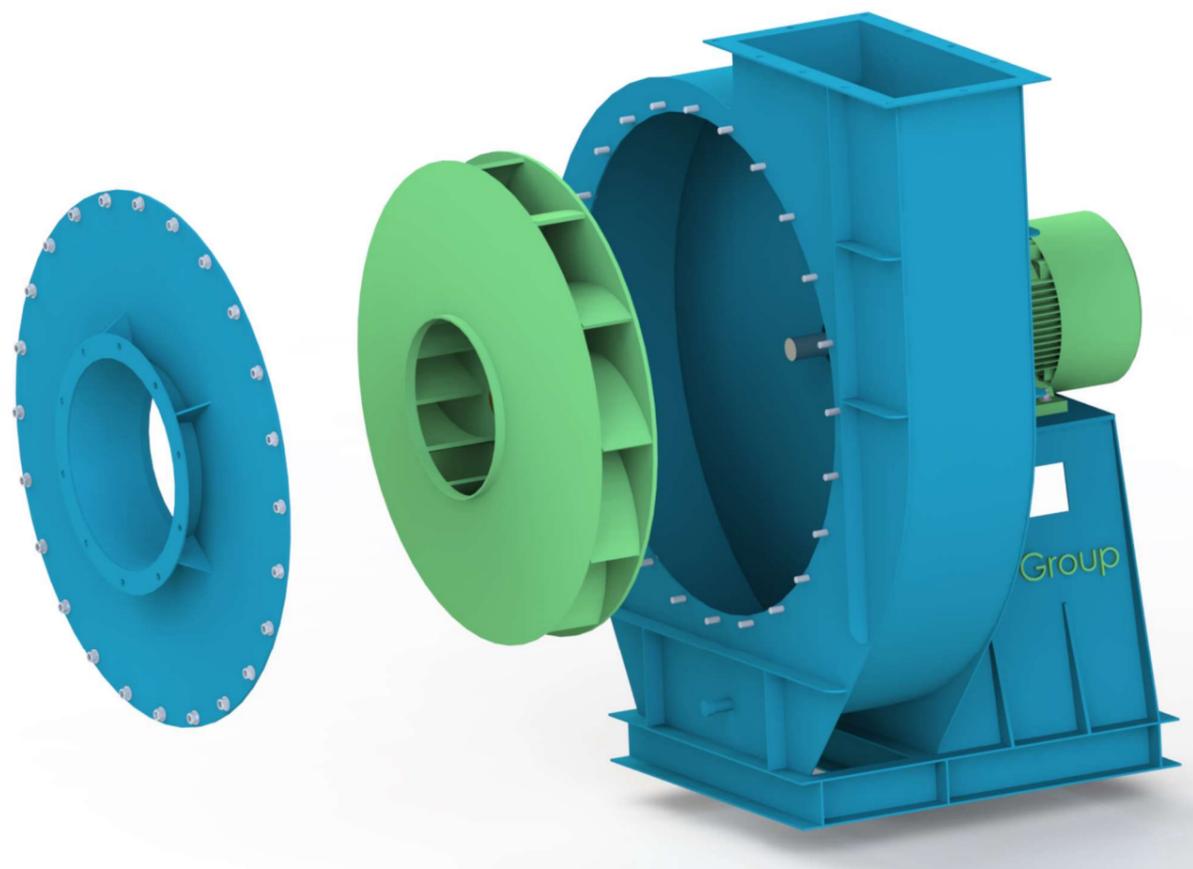
# NCF-BCH-D

## QUẠT LY TÂM CAO ÁP- Truyền động trực tiếp

*Backward Curved blade, High pressure- Direct drive*



www.navisgroup.vn  
NCF-BCH-D



### ỨNG DỤNG:

- Dân dụng: Các hệ thống sục khí cho xử lý nước thải hoặc các hệ thống yêu cầu áp suất rất cao...
- Công nghiệp: Hệ thống hút khí lò hơi, lò khí hóa, lọc bụi túi vải, thông gió đường hầm, hầm mỏ... hoặc các loại khí có ít bụi yêu cầu quạt có hiệu suất cao, áp suất cao.

**BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT QUẠT LY TÂM NCF-BCH-D**

Model	Công suất (kW)	Tốc độ (Pole-rpm)	Điện áp (Volt-Hz-Phase)	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /h)	Áp suất (Pa)	Trọng lượng (kg)
NCF-BCH-D350	1.5	2P-2850	380-50-3	700-1800	2600-1800	56
NCF-BCH-D400	3	2P-2870	380-50-3	900-2500	3200-2600	72
NCF-BCH-D450	5.5	2P-2890	380-50-3	1500-3500	4000-3500	133
NCF-BCH-D500	7.5	2P-2930	380-50-3	2000-4000	4400-3500	162
	11	2P-2940	380-50-3	2100-4500	5200-3800	210
NCF-BCH-D560	15	2P-2940	380-50-3	5200-10000	3800-3000	307
	18.5	2P-2940	380-50-3	7000-14000	4500-3200	356
NCF-BCH-D630	30	2P-2950	380-50-3	15000-24000	4800-3300	499
	37	2P-2950	380-50-3	17000-26000	5400-3500	582
NCF-BCH-D720-I	45	2P-2960	380-50-3	25000-31000	4400-3500	686
	55	2P-2970	380-50-3	29000-36000	4500-3600	778
NCF-BCH-D800-I	75	2P-2970	380-50-3	35000-45000	5200-4000	894
	90	2P-2970	380-50-3	40000-52000	5400-4200	998
NCF-BCH-D880-I	110	2P-2980	380-50-3	47000-57000	5600-4600	1565
	132	2P-2980	380-50-3	56000-66000	5700-4700	1787

\* Vui lòng liên hệ để được tư vấn và cung cấp các bản vẽ kỹ thuật cho từng model.

### ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT:

- Quạt có áp suất rất cao, lưu lượng nhỏ, truyền động trực tiếp, tốc độ quay lớn, cấu tạo cánh cong về phía sau, bề rộng cánh hẹp, chiều dài lá cánh lớn giúp tăng lực hút và phù hợp cho các loại khí có ít bụi, khí có nhiệt độ cao. Hiệu suất khí động đạt khoảng 85% (hiệu suất tổng thể thấp hơn do tổn thất áp suất khi tốc độ dòng khí cao).
- Sử dụng động cơ thường, động cơ phòng nổ hoặc động cơ chịu nhiệt đến 300 °C trong 2 giờ.
- Lớp phủ: Sơn tĩnh điện, sơn Epoxy, sơn chịu ăn mòn, mạ kẽm.
- Phụ kiện: Giảm chấn lò xo, giảm chấn cao su, chân bệ phụ, bích phụ.
- Vật liệu: Thép SS400, Q345, Inox 201-304-316-316L, thép chịu mài mòn, thép chịu nhiệt.

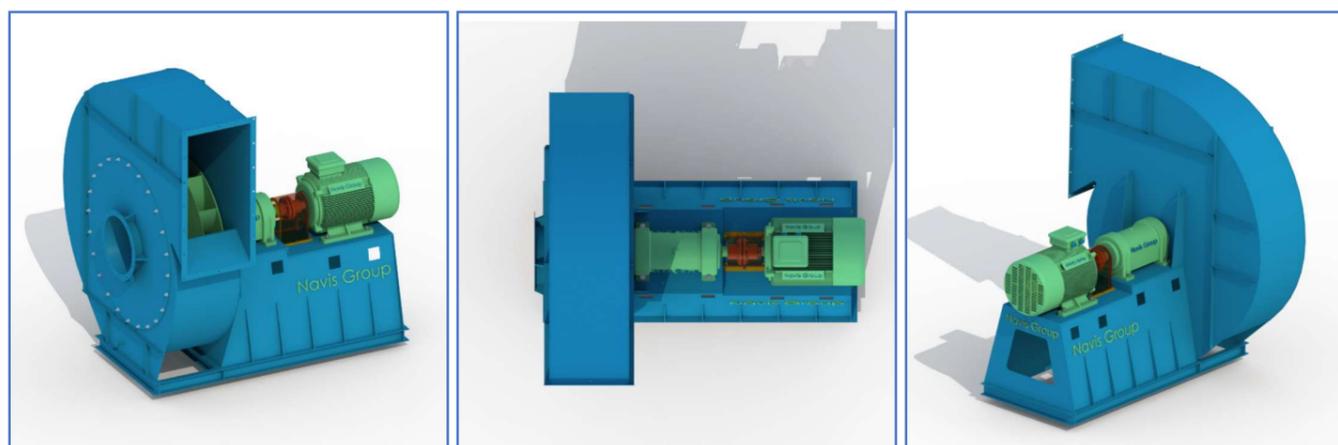
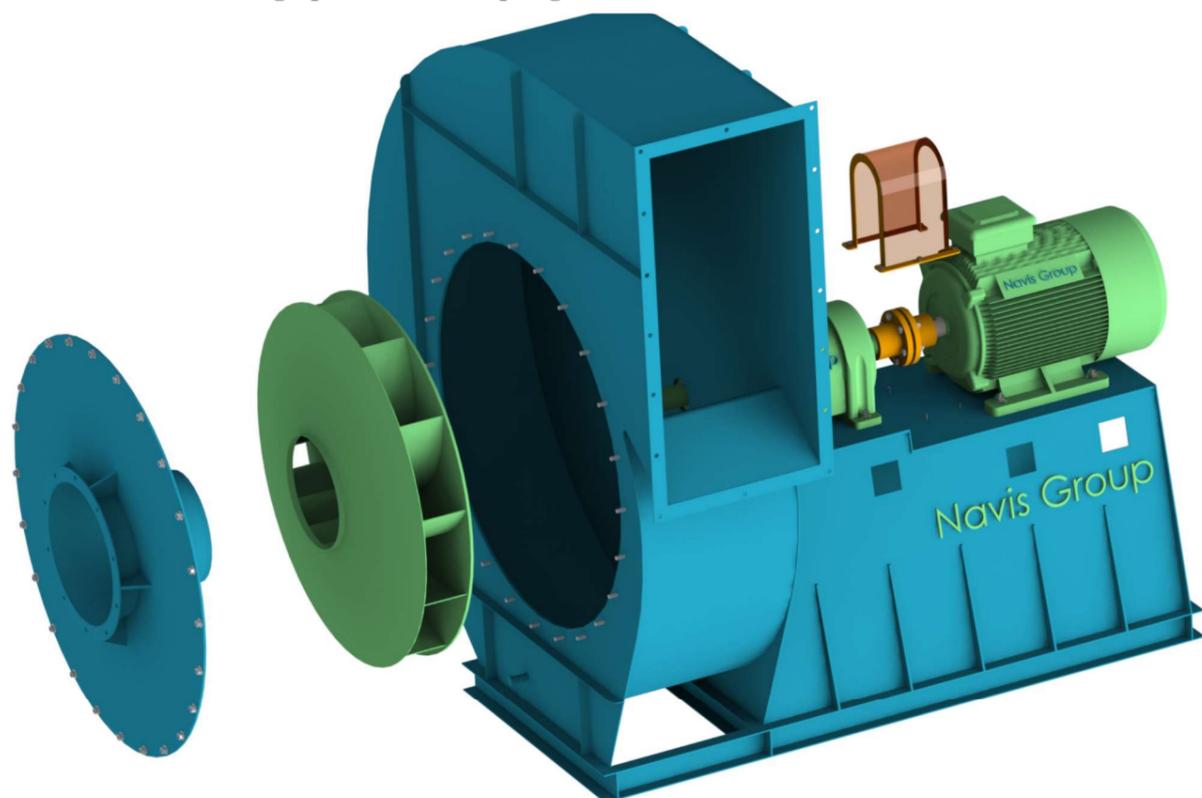
# NCF-BCH-C

## QUẠT LY TÂM CAO ÁP- Truyền động khớp nối

Backward Curved blade, High pressure- Coupling drive



www.navisgroup.vn  
NCF-BCH-C



### ỨNG DỤNG:

- Dân dụng: Các hệ thống thiết bị yêu cầu áp suất làm việc rất lớn, công suất lớn...
- Công nghiệp: Các nhà máy nhiệt điện, luyện kim, xi măng, khai khoáng, hóa chất, điện tử, vật liệu xây dựng... yêu cầu áp suất rất cao, công suất lớn, hoạt động bền bỉ, ổn định.

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT QUẠT LY TÂM NCF-BCH-C

Model	Công suất (kW)	Tốc độ (Pole-rpm)	Điện áp (Volt-Hz-Phase)	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /h)	Áp suất (Pa)	Trọng lượng (kg)
NCF-BCH-C560	15	2P-2940	380-50-3	5200-10000	3800-3000	366
	18.5	2P-2940	380-50-3	7000-14000	4500-3200	372
NCF-BCH-C630	30	2P-2950	380-50-3	10000-18000	5000-3900	393
	37	2P-2950	380-50-3	14000-20000	5600-4000	564
NCF-BCH-C710	45	2P-2980	380-50-3	7000-13000	9200-7200	692
	55	2P-2980	380-50-3	6000-14000	11000-9000	772
NCF-BCH-C800	75	2P-2980	380-50-3	9000-17000	12000-9500	1227
	90	2P-2970	380-50-3	10000-19000	14000-10000	1424
NCF-BCH-C900	132	2P-2980	380-50-3	11000-22000	15000-11000	1788
	160	2P-2980	380-50-3	12000-27000	16000-12000	1892
NCF-BCH-C785-I	75	2P-2970	380-50-3	21000-27000	8600-6600	1202
	90	2P-2970	380-50-3	25000-32000	8700-6700	1307
NCF-BCH-C850-I	110	2P-2980	380-50-3	30000-40000	8800-6800	1565
	132	2P-2980	380-50-3	36000-46000	8900-6900	1747
NCF-BCH-C900-I	160	2P-2980	380-50-3	42000-53000	9200-7200	1966
	200	2P-2980	380-50-3	51000-65000	9400-7400	2184
NCF-BCH-C980-I	250	2P-2980	380-50-3	58000-70000	10400-8600	2972
NCF-BCH-C1020-I	315	2P-2980	380-50-3	63000-76000	12000-10000	3266

\* Vui lòng liên hệ để được tư vấn và cung cấp các bản vẽ kỹ thuật cho từng model.

### ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT:

- Quạt có áp suất rất cao, lưu lượng nhỏ, truyền động khớp nối, cấu tạo cánh cong về phía sau với chiều rộng cánh hẹp, đường kính cánh lớn, nhiều lá cánh giúp tạo áp suất hút lớn hơn và hiệu suất cao hơn.
- Quạt có thể được thiết kế với công suất rất lớn, làm việc ở môi trường có nhiệt độ cao, hoạt động ở tốc độ cao, có thể sử dụng gói ngâm dầu hoặc bôi trơn mỡ cho cụm ổ đỡ.
- Sử dụng động cơ thường, động cơ phòng nổ hoặc động cơ chịu nhiệt đến 300°C trong 2 giờ.
- Lớp phủ: Sơn tĩnh điện, sơn Epoxy, sơn chịu ăn mòn, mạ kẽm nhúng nóng.
- Phụ kiện: Giảm chấn lò xo, giảm chấn cao su, chân bộ phụ.
- Vật liệu: Thép SS400, Q345, Inox 201-304-316-316L, thép chịu mài mòn, thép chịu nhiệt.

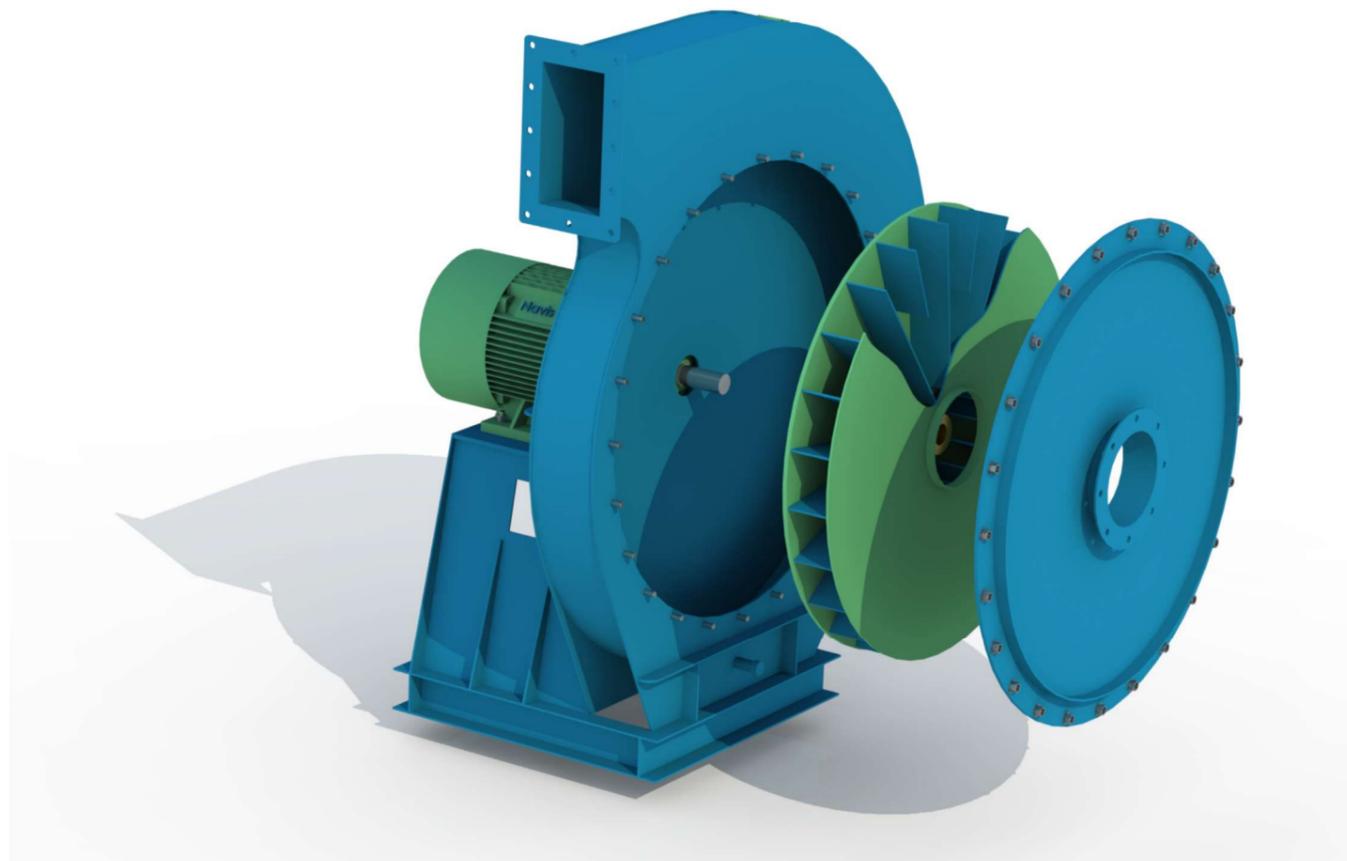
# NCF-RB-D

## QUẠT LY TÂM CAO ÁP- Truyền động trực tiếp

Radial Blade - Direct drive



www.navisgroup.vn  
NCF-RB-D



### ỨNG DỤNG:

- Dân dụng: Các hệ thống sục khí cho xử lý nước thải hoặc các hệ thống yêu cầu áp suất rất cao...
- Công nghiệp: Hệ thống quạt đẩy lò hơi, lò khí hóa, máng khí động, vận chuyển bột, thông gió đường hầm, hầm mỏ...hoặc các loại khí có lẫn bụi nhỏ, hơi sương.

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT QUẠT LY TÂM NCF-RB-D

Model	Công suất (kW)	Tốc độ (Pole-rpm)	Điện áp (Volt-Hz-Phase)	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /h)	Áp suất (Pa)	Trọng lượng (kg)
NCF-RB-D450	3	2P-2870	380-50-3	1100-2600	3200-1800	
NCF-RB-D500	4	2P-2880	380-50-3	1500-3000	4000-3000	
	5.5	2P-2890	380-50-3	1500-3500	4400-3000	
NCF-RB-D560	7.5	2P-2930	380-50-3	1700-4000	5200-4000	
	11	2P-2930	380-50-3	2000-6000	6000-3500	
NCF-RB-D630	11	4P-1460	380-50-3	4600-6000	4800-3600	
	15	2P-2940	380-50-3	3000-5000	7800-6600	
	18.5	2P-2940	380-50-3	3000-6000	8500-6000	
NCF-RB-D710	15	4P-1460	380-50-3	6600-7200	4600-3900	
	22	2P-2940	380-50-3	3300-5200	9500-8400	
	30	2P-2950	380-50-3	3500-76000	11000-8000	
NCF-RB-D800	22	4P-1470	380-50-3	7000-8000	6000-5200	
	37	2P-2950	380-50-3	5000-76000	11800-10000	
	55	2P-2970	380-50-3	6000-15000	13000-8000	
NCF-RB-D900	75	2P-2970	380-50-3	7000-15000	15000-12000	
	90	2P-2970	380-50-3	8000-22000	16000-9000	
NCF-RB-D1000	110	2P-2980	380-50-3	10000-17000	17000-15000	
	160	2P-2980	380-50-3	11000-27000	19000-12000	

\* Vui lòng liên hệ để được tư vấn và cung cấp các bản vẽ kỹ thuật cho từng model.

### ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT:

- Quạt có áp suất rất cao, lưu lượng nhỏ, truyền động trực tiếp, tốc độ quay lớn, cấu tạo cánh thẳng hướng tâm (RB). Đây là loại cánh được phát triển sớm nhất từ khoảng trước năm 1890 tại Mỹ, Châu Âu trong thời kỳ cách mạng công nghiệp nặng, ứng dụng sớm trong ngành mỏ, luyện kim, khai khoáng, xi măng, nơi môi trường khắc nghiệt yêu cầu loại quạt bền bỉ, chịu bụi, chịu nhiệt, chịu mài mòn. Hiệu suất khí động đạt khoảng 62%.
- Sử dụng động cơ thường, động cơ phòng nổ hoặc động cơ chịu nhiệt đến 300°C trong 2 giờ.
- Lớp phủ: Sơn tĩnh điện, sơn Epoxy, sơn chịu ăn mòn, mạ kẽm nhúng nóng.
- Phụ kiện: Giảm chấn lò xo, giảm chấn cao su, chân bộ phụ.
- Vật liệu: Thép SS400, Q345, Inox 201-304-316-316L, thép chịu mài mòn, thép chịu nhiệt.

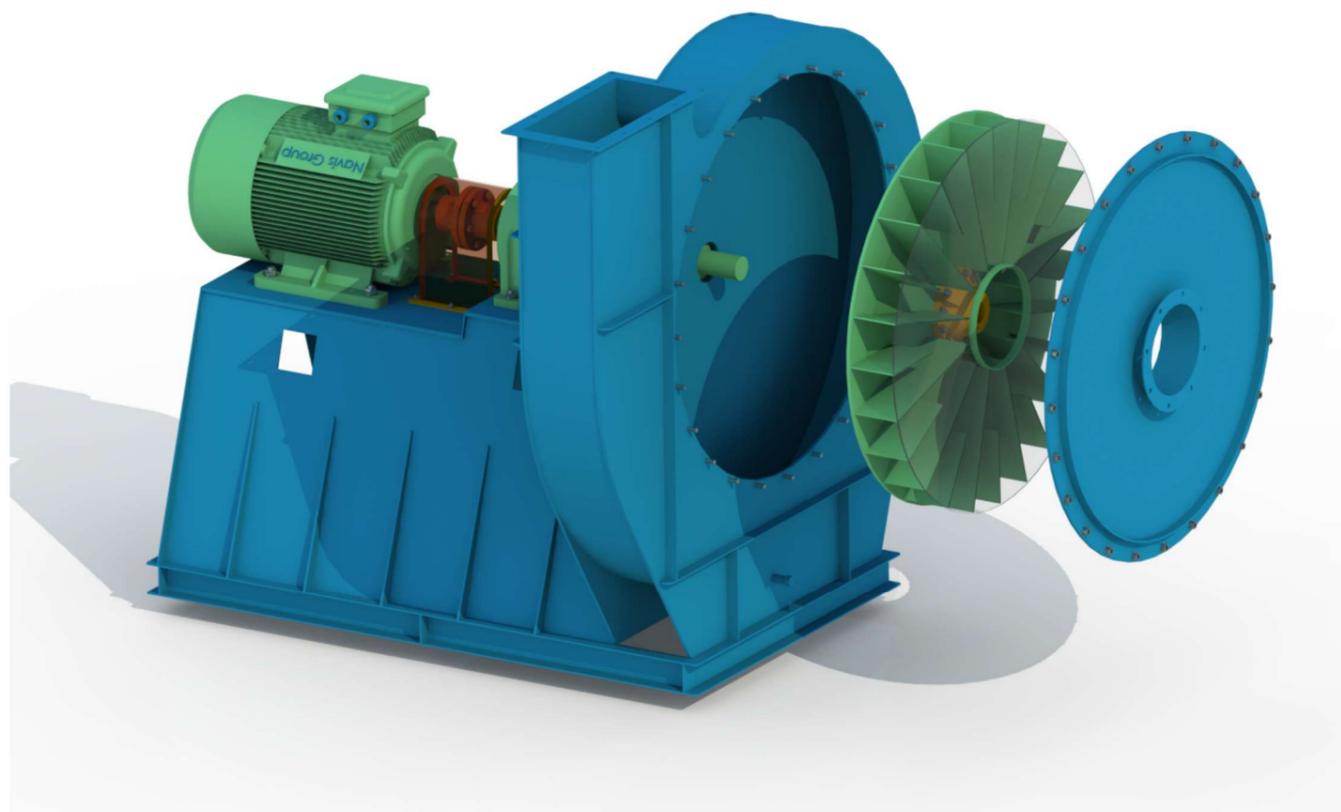
# NCF-RB-C

## QUẠT LY TÂM CAO ÁP- Truyền động khớp nối

Radial Blade - Coupling drive



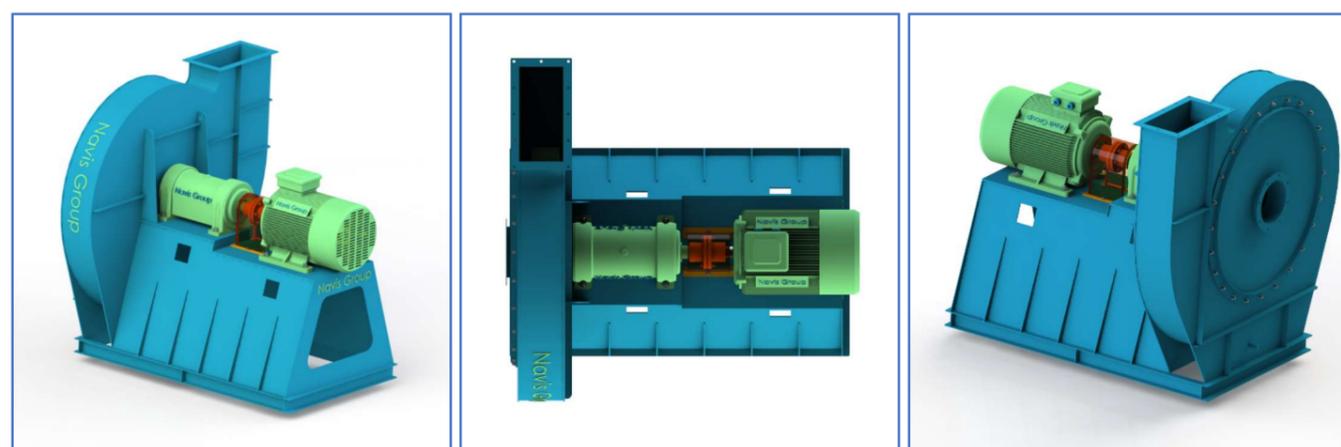
www.navisgroup.vn  
NCF-RB-C



BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT QUẠT LY TÂM NCF-RB-C

Model	Công suất (kW)	Tốc độ (Pole-rpm)	Điện áp (Volt-Hz-Phase)	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /h)	Áp suất (Pa)	Trọng lượng (kg)
NCF-RB-C630	30	2P-2950	380-50-3	12000-16000	5000-3600	393
	37	2P-2950	380-50-3	12500-18000	6000-4000	564
NCF- RB-C710	45	2P-2980	380-50-3	9000-11000	10000-8000	692
	55	2P-2980	380-50-3	9200-12000	12000-9000	772
NCF- RB-C800	75	2P-2980	380-50-3	11500-15000	13000-10000	1227
	90	2P-2970	380-50-3	12800-16000	14000-11000	1424
NCF- RB-C850	110	2P-2980	380-50-3	14000-18000	15000-12000	1565
	132	2P-2980	380-50-3	16600-20000	16000-13000	1747
NCF- RB-C900	132	2P-2980	380-50-3	156000-19000	17000-14000	1788
	160	2P-2980	380-50-3	17000-22000	18500-14500	1892
NCF- RB-C1000	200	2P-2980	380-50-3	21000-27000	19000-15000	3243
	250	2P-2980	380-50-3	25000-31000	20000-16000	3420
NCF- RB-C1120	250	2P-2980	380-50-3	24000-33600	21000-15000	3617
	315	2P-2980	380-50-3	28900-39000	22000-16000	3899

\* Vui lòng liên hệ để được tư vấn và cung cấp các bản vẽ kỹ thuật cho từng model.



### ỨNG DỤNG:

- Dân dụng: Các hệ thống thiết bị yêu cầu áp suất làm việc rất lớn, công suất lớn...
- Công nghiệp: Các nhà máy nhiệt điện, luyện kim, xi măng, khai khoáng, hóa chất, điện tử, vật liệu xây dựng...yêu cầu áp suất rất cao, công suất lớn và có thể hút hoặc đẩy được khí có lẫn bụi nhỏ.

### ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT:

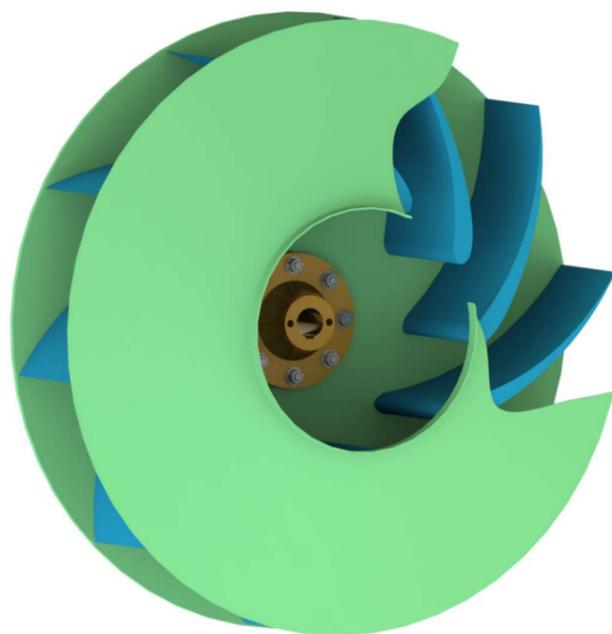
- Quạt có áp suất rất cao, lưu lượng nhỏ, truyền động khớp nối, cấu tạo cánh thẳng hướng tâm với chiều rộng cánh hẹp, đường kính cánh lớn, nhiều lá cánh giúp tạo áp suất hút và đẩy lớn hơn, hiệu quả cho cả khí có nhiều bụi. Hiệu suất khí động khoảng 62%, thấp hơn cánh quạt loại AF, BC, BI, RT, SC.
- Quạt có thể được thiết kế với công suất rất lớn, làm việc ở môi trường có nhiệt độ cao, hoạt động ở tốc độ cao, có thể sử dụng gói ngâm dầu hoặc bôi trơn mỡ cho cụm ổ đỡ.
- Sử dụng động cơ thường, động cơ phòng nổ hoặc động cơ chịu nhiệt đến 300°C trong 2 giờ.
- Lớp phủ: Sơn tĩnh điện, sơn Epoxy, sơn chịu ăn mòn, mạ kẽm nhúng nóng.
- Phụ kiện: Giảm chấn lò xo, giảm chấn cao su, chân bộ phụ.
- Vật liệu: Thép SS400, Q345, Inox 201-304-316-316L, thép chịu mài mòn, thép chịu nhiệt.

## CÁC LOẠI CÁNH QUẠT LY TÂM KHÁC



www.navigroup.vn  
NC

### Cánh quạt khí động học- Airfoil



#### Đặc tính kỹ thuật:

Cánh quạt khí động học là loại cánh cong về phía sau với biên dạng cánh được thiết kế đặc biệt để tối ưu về hiệu suất hoạt động. Phần đầu mỗi lá cánh lớn hơn phần đuôi (tương tự cánh máy bay).

Với thiết kế này, quạt có thể đạt hiệu suất khí động đến 92%, hiệu suất cao nhất trong tất cả các loại cánh quạt. Độ ồn của quạt cũng thấp hơn đáng kể so với các thiết kế cánh khác.

#### Ứng dụng:

Quạt được sử dụng trong các hệ thống mà yêu cầu quạt có lưu lượng lớn, dải áp suất rộng từ thấp đến cao, khí có ít bụi.

Thường sử dụng trong các công trình cao cấp.

### Cánh quạt kết hợp cong phía sau-cong phía trước – Backward Curved, Forward Curved

#### Đặc tính kỹ thuật:

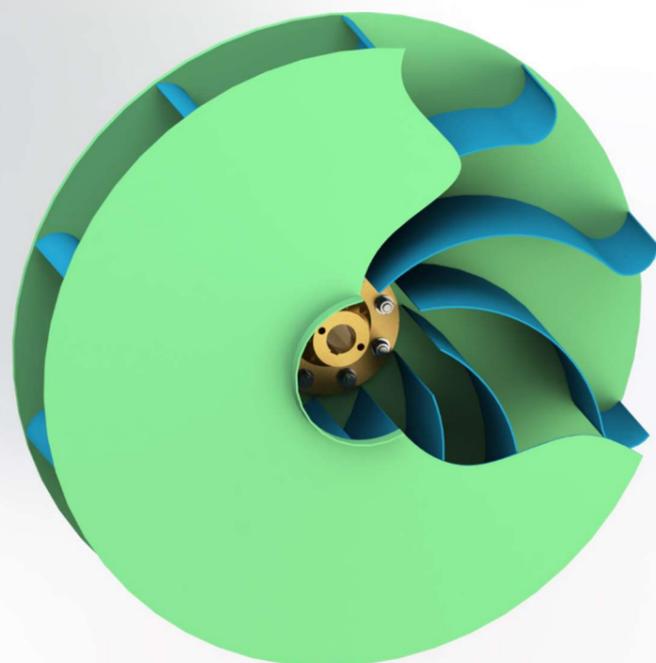
Cánh quạt được thiết kế bởi sự kết hợp giữa 2 dạng cánh cong phía sau với cong phía trước để tạo nên biên dạng cánh đặc biệt, thừa hưởng đặc tính của 2 dạng cánh là hiệu suất cao, tạo áp suất cao và hiệu quả cho cả khí có nhiều bụi.

Với thiết kế này, quạt có thể đạt hiệu suất khí động đến 72%, lực đẩy và lực hút đều rất khỏe.

#### Ứng dụng:

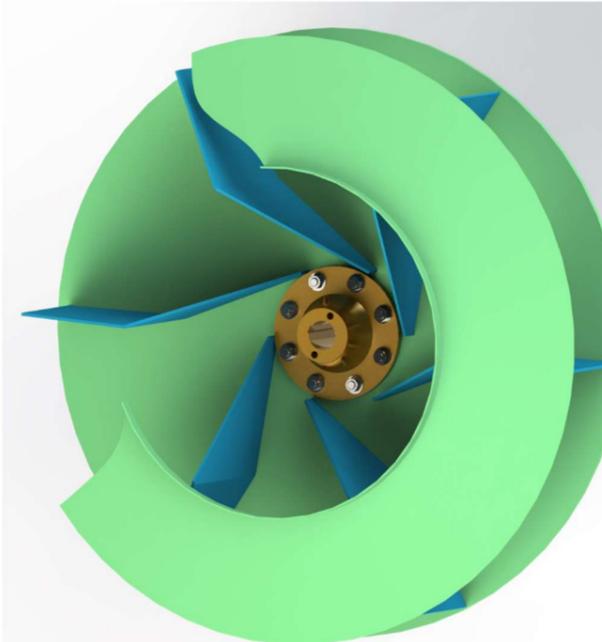
Quạt được sử dụng trong các hệ thống thiết bị công nghiệp có yêu cầu đặc biệt về áp suất hút và đẩy rất cao, hiệu quả cho cả khí có lẫn bụi nhỏ và có thể làm việc được ở nhiệt độ cao.

Thường sử dụng trong các dây chuyền công nghiệp có yêu cầu đặc biệt về quạt.



## OTHER TYPES OF CENTRIFUGAL IMPELLER

### Cánh hướng tâm kết hợp nghiêng phía sau- Radial Blade, Backward Inclined



#### Đặc tính kỹ thuật:

Cánh quạt được thiết kế đặc biệt, kết hợp 2 dạng cánh hướng tâm với nghiêng phía sau nhưng với bản cánh rộng, độ hở cánh lớn, có đĩa cánh trước và sau, cấu tạo chắc chắn.

Với thiết kế này, quạt có áp suất hút và đẩy đều tốt, hiệu suất khí động đạt khoảng 66%, hiệu quả với khí có nhiều bụi, mảnh lớn.

#### Ứng dụng:

Quạt được sử dụng trong các hệ thống vận chuyển vật liệu, hệ thống xử lý bụi, xử lý khí thải có lẫn bụi với kích thước lớn, bám dính cao.

Thường được sử dụng trong các nhà máy luyện kim, khai khoáng, giấy, xi măng, vật liệu xây dựng, hóa chất, dệt may...

### Cánh hờ dạng mái chèo, hướng tâm – Radial Blade, Paddle impeller

#### Đặc tính kỹ thuật:

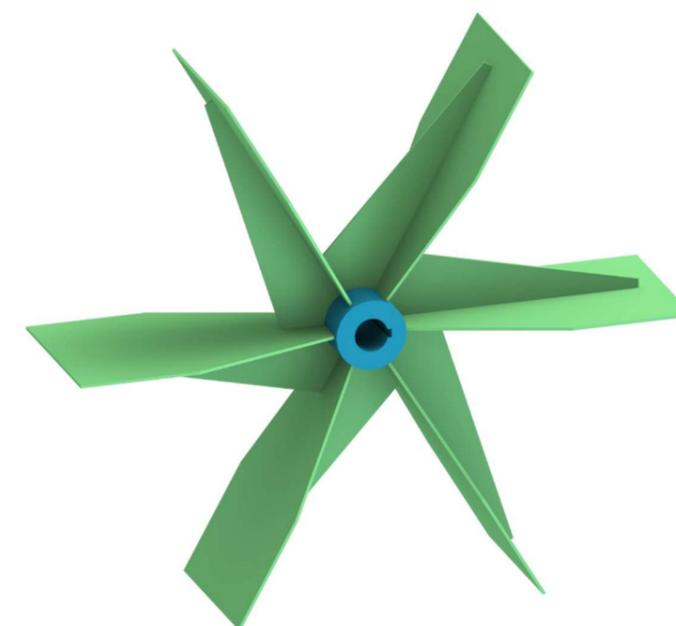
Cánh quạt được thiết kế dạng mái chèo, hờ hoàn toàn (không có đĩa cánh) với các gân đỡ cánh, đảm bảo cánh chắc khỏe, chịu lực, chịu va đập tốt. Có lực hút và lực đẩy đều khỏe.

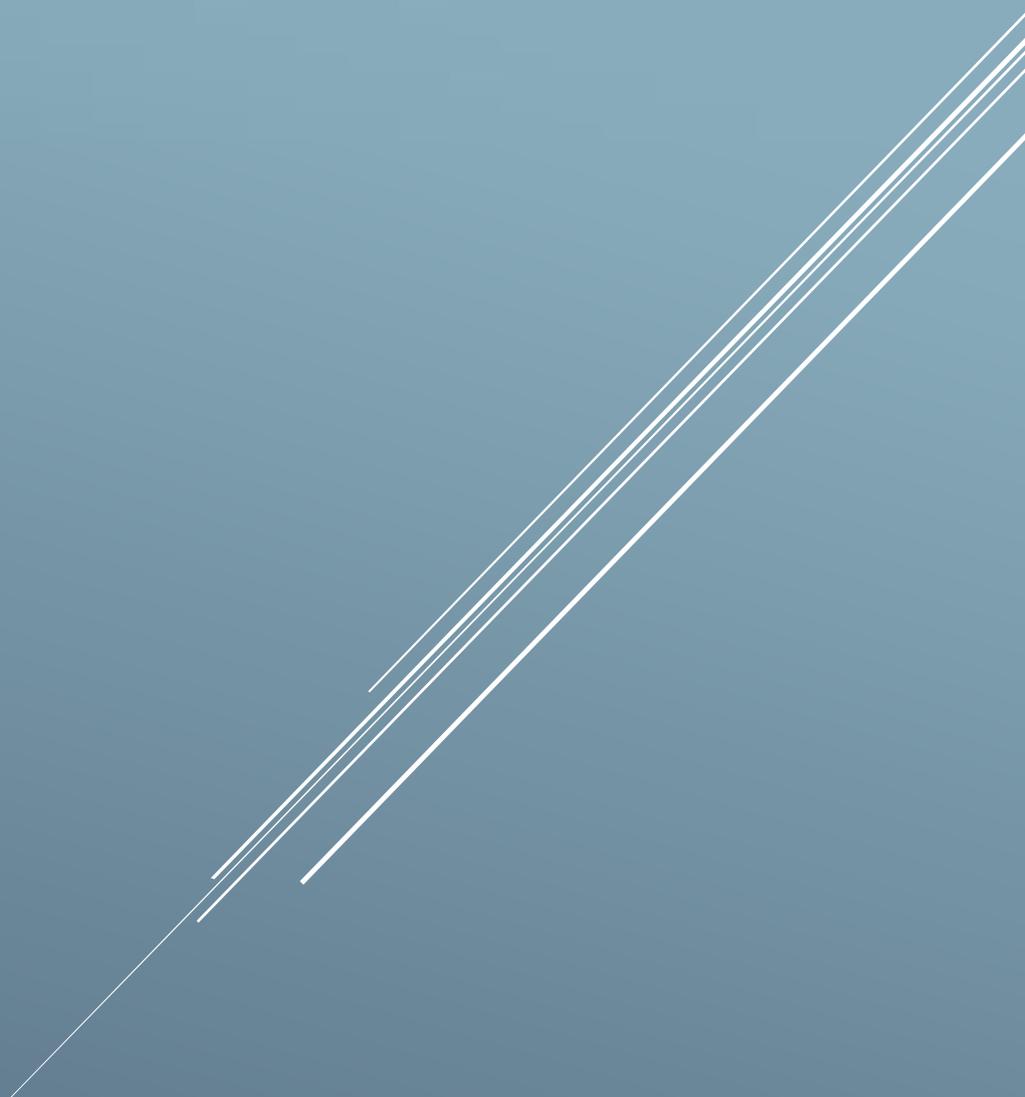
Với thiết kế này, quạt có thể vận chuyển tốt các loại bụi, mảnh, vật liệu thô mà không bị tắc.

#### Ứng dụng:

Quạt được sử dụng trong các hệ thống vận chuyển vật liệu, xử lý bụi, hiệu quả cả với các mảnh vật liệu có cạnh cứng sắc, có tính mài mòn cao, kích thước lớn, nặng hoặc độ bám dính cao.

Thường sử dụng trong các nhà máy giấy, bao bì, xi măng, khai khoáng, vật liệu xây dựng...





## **NAVIS GROUP CO., LTD**

Website: [www.navisgroup.vn](http://www.navisgroup.vn)

Email: [info@navisgroup.vn](mailto:info@navisgroup.vn)

Hotline: 09848 26692

Address: No. 172, Road 429, Phuong Duc Commune, Hanoi City.

